

|      |                                    |      |      |           |             |                            |  |  |           |  |  |
|------|------------------------------------|------|------|-----------|-------------|----------------------------|--|--|-----------|--|--|
| 1757 | Tân Văn Ngọc                       | 1955 |      | 271387181 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1758 | Tân Văn Thuận                      | 1954 |      | 270930177 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1759 | Tình Đình Quyền                    | 1940 |      | 271586363 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1760 | Thương Thành Đình                  | 1952 |      | 270013462 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1761 | Võ Hồng Tiến                       | 1952 |      | 272169769 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1762 | Võ Sơn Hồng                        | 1953 |      | 270808478 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1763 | Võ Tá Công                         | 1945 |      | 270012047 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1764 | Vũ Ngọc Khai                       | 1957 |      | 271385472 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1765 | Vũ Quang Ngọc                      | 1958 |      | 271420984 | P. Tam Hiệp | Thương bình                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1766 | Đoàn Thanh Bài                     | 1942 |      | 272559657 | P. Tam Hiệp | Thương bình B              |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1767 | Nguyễn Văn Quyết                   | 1957 |      | 270069032 | P. Tam Hiệp | Thương bình B              |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1768 | Đinh Thị Hoa                       |      | 1950 | 270781384 | P. Tam Hiệp | Thương bình, bệnh bình     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1769 | Nguyễn Diên Dũng                   | 1952 |      | 272368235 | P. Tam Hiệp | Thương bình, bệnh bình     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1770 | Đoàn Văn Diễm                      | 1945 |      | 271287531 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1771 | Ngô Gia Cảnh                       | 1950 |      | 271754176 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1772 | Ngô Hải Hậu                        | 1940 |      | 270724185 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1773 | Ngô Tất Đắc                        | 1949 |      | 270742597 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1774 | Ngô Xuân Tú                        | 1950 |      | 272970960 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1775 | Nguyễn Minh Nguyệt                 | 1944 |      | 270039205 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1776 | Nguyễn Quyết                       | 1937 |      | 271691624 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1777 | Nguyễn Thành An                    | 1950 |      | 270640526 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1778 | Nguyễn Văn Kỳ                      | 1935 |      | 271497076 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1779 | Nguyễn Văn Nhì                     | 1951 |      | 270013612 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1780 | Tống Đăng Kỳ                       | 1951 |      | 270086666 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1781 | Tân Văn Cung                       | 1942 |      | 270727456 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1782 | Trương Phương Đông                 | 1954 |      | 271497337 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1783 | Vũ Huy Thục                        | 1949 |      | 160322252 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1784 | Phạm Đình Keng<br>(Phạm Xuân Viên) | 1944 |      | 272067674 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1785 | Nguyễn Tấn Ngọc                    | 1944 |      | 270015460 | P. Tam Hiệp | Thương bình, CDHH, TD      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1786 | Nguyễn Văn Bằng                    | 1956 |      | 271391079 | P. Tam Hiệp | Thương bình, QD142-153     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1787 | Lê Sĩ Bách                         | 1954 |      | 271426653 | P. Tam Hiệp | Thương bình, QD142-229     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1788 | Nguyễn Trọng Nghĩa                 | 1960 |      | 271854284 | P. Tam Hiệp | Thương bình, QD62-42       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1789 | Lê Văn Tân                         | 1938 |      | 272089519 | P. Tam Hiệp | Thương bình, Từ đây        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1790 | Đoàn Minh Việt                     | 1955 |      | 270003545 | P. Tam Hiệp | Thương bình, bệnh bình, TD |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1791 | Nguyễn Thị Nét                     |      | 1940 | 270014609 | P. Tam Hiệp | Thương bình, Từ đây        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1792 | Bùi Thị Liên                       |      | 1955 | 270606467 | P. Tam Hiệp | Thương bình, Từ đây        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1793 | Đỗ Thị Sáu                         |      | 1930 | 271474460 | P. Tam Hiệp | Từ đây                     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1794 | Mai Xuân Thanh                     | 1945 |      | 270008541 | P. Tam Hiệp | Từ đây                     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1795 | Tân Đức Nguyên                     | 1933 |      | 270781231 | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ               |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1796 | Đặng Phước Niên                    | 1932 |      | 270010528 | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ               |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1797 | Đỗ Thị Cùc                         |      | 1931 |           | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ               |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1798 | Hoàng Thị Bé                       |      | 1967 |           | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ               |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1799 | Lê Thị Hòa                         |      | 1918 | 132323615 | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ               |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1800 | Lê Thị Mười                        |      | 1931 | 270107310 | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ               |  |  | 1.500.000 |  |  |



|                            |                        |      |      |           |             |                        |            |                    |  |  |
|----------------------------|------------------------|------|------|-----------|-------------|------------------------|------------|--------------------|--|--|
| 1801                       | Lê Thị Sen             |      | 1931 | 272530328 | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ           |            | 1.500.000          |  |  |
| 1802                       | Nhìn A Múi             |      | 1933 | 270104794 | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ           |            | 1.500.000          |  |  |
| 1803                       | Phạm Thị Mão           |      | 1952 | 272067589 | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ           |            | 1.500.000          |  |  |
| 1804                       | Vũ Thị Liễu            |      | 1942 |           | P. Tam Hiệp | Tuất liệt sĩ           |            | 1.500.000          |  |  |
| 1805                       | Hồ Thị Thanh Mai       |      | 1954 | 272222178 | P. Tam Hiệp | Tuất CDHH              |            | 1.500.000          |  |  |
| 1806                       | Trần Thị Sáng          |      | 1954 | 270105829 | P. Tam Hiệp | Tuất CDHH              |            | 1.500.000          |  |  |
| 1807                       | Nguyễn Thị Kiều Phương |      | 1954 | 270470009 | P. Tam Hiệp | Tuất TB                |            | 1.500.000          |  |  |
| 1808                       | Trần Văn Bình          | 1957 |      | 271837056 | P. Tam Hiệp |                        | TB mất sức | 1.500.000          |  |  |
|                            | <b>Tổng: 144 người</b> |      |      |           |             |                        |            | <b>216.000.000</b> |  |  |
| <b>XVII PHƯỜNG TAM HÒA</b> |                        |      |      |           |             |                        |            |                    |  |  |
| 1809                       | Nguyễn Văn Minh        | 1958 |      | 271789840 | P. Tam Hòa  | Bệnh binh              |            | 1.500.000          |  |  |
| 1810                       | Phạm Đình Khán         | 1941 |      | 272373790 | P. Tam Hòa  | Bệnh binh              |            | 1.500.000          |  |  |
| 1811                       | Phạm Đức Thịnh         | 1958 |      | 270793112 | P. Tam Hòa  | Bệnh binh              |            | 1.500.000          |  |  |
| 1812                       | Phạm Trọng Văn         | 1953 |      | 270872015 | P. Tam Hòa  | Bệnh binh              |            | 1.500.000          |  |  |
| 1813                       | Trương Xuân Dương      | 1947 |      | 271395280 | P. Tam Hòa  | CDHH                   |            | 1.500.000          |  |  |
| 1814                       | Bùi Xuân Đoàn          | 1954 |      | 272377912 | P. Tam Hòa  | CDHH                   |            | 1.500.000          |  |  |
| 1815                       | Hàn Trường Doan        | 1953 |      | 271777321 | P. Tam Hòa  | CDHH                   |            | 1.500.000          |  |  |
| 1816                       | Hoàng Phúc Đình        | 1945 |      | 270002220 | P. Tam Hòa  | CDHH                   |            | 1.500.000          |  |  |
| 1817                       | Nguyễn Văn Đáp         | 1953 |      | 271951253 | P. Tam Hòa  | CDHH                   |            | 1.500.000          |  |  |
| 1818                       | Phạm Đức Cường         | 1954 |      | 270119449 | P. Tam Hòa  | CDHH                   |            | 1.500.000          |  |  |
| 1819                       | Ngô Thị Hiền           |      | 1983 | 285399938 | P. Tam Hòa  | CDHH GT                |            | 1.500.000          |  |  |
| 1820                       | Trần Đình Thìn         | 1952 |      | 271789840 | P. Tam Hòa  | TB, CDHH, QNXN         |            | 1.500.000          |  |  |
| 1821                       | Hồ Ngọc Mưa            | 1948 |      | 270007265 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1822                       | Hoàng Đình Len         | 1947 |      | 271543657 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1823                       | Lê Quốc Dũng           | 1960 |      | 272199500 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1824                       | Mai Tấn Tới            | 1942 |      | 270602522 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1825                       | Nguyễn Doãn Hùng       | 1966 |      | 270726930 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1826                       | Nguyễn Đức Hạp         | 1947 |      | 270044404 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1827                       | Nguyễn Sỹ Hoàng        | 1963 |      | 272193304 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1828                       | Nguyễn Thị Thuý        |      | 1943 | 272477573 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1829                       | Nguyễn Tiến Thuận      | 1952 |      | 270504464 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1830                       | Nguyễn Văn Soái        | 1947 |      | 271571987 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1831                       | Phạm Văn Nghĩa         | 1954 |      | 270893316 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1832                       | Trần Trọng Luân        | 1939 |      | 272099458 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1833                       | Vũ Ngọc Thanh          | 1945 |      | 270007475 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1834                       | Vương Đình Việt        | 1956 |      | 271981503 | P. Tam Hòa  | Thương binh            |            | 1.500.000          |  |  |
| 1835                       | Nguyễn Anh Quang       | 1954 |      | 270727797 | P. Tam Hòa  | Thương binh, BB        |            | 1.500.000          |  |  |
| 1836                       | Nguyễn Văn Minh        | 1955 |      | 271837342 | P. Tam Hòa  | Thương binh, Bệnh binh |            | 1.500.000          |  |  |
| 1837                       | Lê Hữu Tâm             | 1958 |      | 272319899 | P. Tam Hòa  | Thương binh, CDHH      |            | 1.500.000          |  |  |
| 1838                       | Lê Thanh Hải           | 1947 |      | 270504964 | P. Tam Hòa  | Thương binh, CDHH      |            | 1.500.000          |  |  |
| 1839                       | Lê Văn Giàu            | 1936 |      | 271870670 | P. Tam Hòa  | Thương binh, CDHH      |            | 1.500.000          |  |  |
| 1840                       | Nguyễn Minh Nhâm       | 1952 |      | 270854488 | P. Tam Hòa  | Thương binh, CDHH      |            | 1.500.000          |  |  |
| 1841                       | Nguyễn Duy Cầu         | 1955 |      | 271767239 | P. Tam Hòa  | Thương binh, CDHH      |            | 1.500.000          |  |  |
| 1842                       | Nguyễn Ngọc Tuyền      | 1946 |      | 270007487 | P. Tam Hòa  | Thương binh, CDHH      |            | 1.500.000          |  |  |



|                               |                  |      |      |           |              |                        |  |                          |            |  |  |
|-------------------------------|------------------|------|------|-----------|--------------|------------------------|--|--------------------------|------------|--|--|
| 1843                          | Trần Đình Nhung  | 1948 |      | 271940945 | P. Tam Hòa   | Thương binh, CDHH      |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1844                          | Trần Thị Lan     |      | 1946 | 271298578 | P. Tam Hòa   | Thương binh, Tuất CDHH |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1845                          | Lê Văn Nguồn     | 1926 |      | 270132892 | P. Tam Hòa   | Tuất liệt sỹ           |  | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |  |
| 1846                          | Phạm Thị Lan     |      | 1937 | 272207142 | P. Tam Hòa   | Tuất liệt sỹ           |  | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |  |
| 1847                          | Phan Văn Diễn    | 1941 |      | 270299959 | P. Tam Hòa   | Tuất liệt sỹ           |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1848                          | Vũ Thị Ngát      |      | 1932 | 270131239 | P. Tam Hòa   | Tuất liệt sỹ           |  | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |  |
| 1849                          | Nguyễn Thị Chúc  |      | 1927 | 270143101 | P. Tam Hòa   | Tuất LTCM,             |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1850                          | Son Thị Âu Kim   |      | 1963 | 272427278 | P. Tam Hòa   | Tuất TB,               |  |                          | 63.000.000 |  |  |
|                               | Tổng: 42 người   |      |      |           |              |                        |  |                          |            |  |  |
| <b>XVIII PHƯỜNG TAM PHƯỚC</b> |                  |      |      |           |              |                        |  |                          |            |  |  |
| 1851                          | Bùi Ngọc Hà      | 1957 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1852                          | Đặng Đức Hùng    | 1957 |      | 230575721 | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1853                          | Đặng Tùng Hoa    | 1952 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1854                          | Lê Xuân Hiệp     | 1954 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1855                          | Nguyễn Anh Được  | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1856                          | Nguyễn Đình Tuất | 1957 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1857                          | Nguyễn Khắc Luân | 1956 |      | 178815436 | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1858                          | Nguyễn Tân Rông  | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1859                          | Nguyễn Tấn Xước  | 1952 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1860                          | Nguyễn Thị Hà    |      | 1947 |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1861                          | Nguyễn Văn Được  | 1947 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1862                          | Nguyễn Văn Hạnh  | 1945 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1863                          | Nguyễn Văn Nghĩa | 1942 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1864                          | Nguyễn Văn Phan  | 1944 |      | 272635290 | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1865                          | Thạch Hòa Mậu    | 1950 |      |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1866                          | Thái Thị Huệ     |      | 1952 |           | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1867                          | Vũ Quang Liên    | 1946 |      | 270243361 | P. Tam Phước | Bệnh binh              |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1868                          | Hoàng Trọng Viên | 1937 |      |           | P. Tam Phước | CCCM                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1869                          | Nguyễn Thị Bảy   |      | 1926 |           | P. Tam Phước | CCCM                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1870                          | Trần Thị Cảnh    |      | 1921 |           | P. Tam Phước | CCCM                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1871                          | Trần Văn Dạ      | 1925 |      |           | P. Tam Phước | CCCM                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1872                          | Bùi Kim Trình    | 1950 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1873                          | Bùi Văn Tiến     | 1953 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1874                          | Đỗ Hùng Sơn      | 1945 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1875                          | Hồ Ngọc Anh      | 1944 | 1944 |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1876                          | Lê Minh Diễn     | 1950 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1877                          | Lê Văn Hồ        | 1949 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1878                          | Lê Văn Quỳnh     | 1936 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1879                          | Mai Đình Phán    | 1953 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1880                          | Ngô Minh Lân     | 1950 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 1881                          | Nguyễn Công Ngộ  | 1946 |      |           | P. Tam Phước | CDHH                   |  |                          | 1.500.000  |  |  |



|      |                        |      |      |           |              |             |  |  |           |  |  |
|------|------------------------|------|------|-----------|--------------|-------------|--|--|-----------|--|--|
| 1882 | Nguyễn Công Phú        | 1956 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1883 | Nguyễn Đình Vỹ         | 1946 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1884 | Nguyễn Hữu Công        | 1950 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1885 | Nguyễn Quang Lễ        | 1950 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1886 | Nguyễn Tiến Hùng       | 1954 |      | 272533976 | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1887 | Nguyễn Văn Cường       | 1952 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1888 | Nguyễn Văn Quang       | 1954 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1889 | Nguyễn Văn Từ          | 1936 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1890 | Phạm Văn Nghiê         | 1950 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1891 | Trần Bá Dương          | 1950 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1892 | Trần Quang Hồng        | 1955 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1893 | Trần Thanh Phúc        | 1956 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1894 | Trần Thị Tam           | 1953 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1895 | Trần Văn Trường        | 1952 |      |           | P. Tam Phước | CDHH        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1896 | Đào Đức Thanh          | 1975 |      |           | P. Tam Phước | CDHH GT     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1897 | Nguyễn Thị Huệ         |      | 1984 |           | P. Tam Phước | CDHH GT     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1898 | Nguyễn Việt Hoài       | 1984 |      |           | P. Tam Phước | CDHH GT     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1899 | Trương Thị Minh Nguyệt |      | 1983 |           | P. Tam Phước | CDHH GT     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1900 | Chu Đức Thắng          | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1901 | Đặng Thanh Hải         | 1947 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1902 | Đặng Thị Uyên          |      | 1951 |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1903 | Đầu Minh Ngọc          | 1947 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1904 | Đầu Thị Tân            | 1946 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1905 | Đinh Quang Huệ         | 1940 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1906 | Đinh Thị Thu Hương     |      | 1953 | 272782748 | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1907 | Đỗ Đức Tinh            | 1945 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1908 | Đỗ Thị Mười            | 1958 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1909 | Đỗ Văn Thi             | 1952 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1910 | Dương Xuân Hào         | 1958 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1911 | Hà Tổ Thiện            | 1945 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1912 | Hoàng Ngọc Loan        | 1949 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1913 | Hoàng Phước Tiến       | 1956 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1914 | Lê Anh Hiên            | 1960 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1915 | Lê Đình Thúy           | 1960 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1916 | Lê Duy Chính           | 1954 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1917 | Lê Thanh Tinh          | 1954 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1918 | Lê Thị Chúc            |      | 1950 |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1919 | Lê Văn Đình            | 1948 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1920 | Lê Văn Quang           | 1950 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1921 | Lê Văn Quỳnh           | 1936 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1922 | Lê Xuân Hương          | 1954 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1923 | Lê Xuân Lộc            | 1964 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1924 | Lưu Thị Đông           | 1950 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1925 | Mai Toàn Đức           | 1958 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1926 | Mai Văn Thắng          | 1955 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |           |              |               |  |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|-----------|--------------|---------------|--|--|-----------|--|--|
| 1927 | Ngô Tất Thành        | 1953 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1928 | Ngô Viết Nam         | 1959 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1929 | Nguyễn Bá Hùng       | 1958 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1930 | Nguyễn Đình Diêu     | 1950 |      | 272697196 | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1931 | Nguyễn Đình Minh     | 1960 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1932 | Nguyễn Đức Kim       | 1955 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1933 | Nguyễn Đức Mão       | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1934 | Nguyễn Đức Thuận     | 1953 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1935 | Nguyễn Duy Cát       | 1954 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1936 | Nguyễn Hồng Liên     | 1942 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1937 | Nguyễn Ngọc Chú      | 1956 |      | 272301949 | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1938 | Nguyễn Thị Ngọc Oanh |      | 1948 | 270103261 | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1939 | Nguyễn Thị Oanh      | 1947 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1940 | Nguyễn Văn Hóa       | 1948 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1941 | Nguyễn Văn Hới       | 1950 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1942 | Nguyễn Văn Kháng     | 1957 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1943 | Nguyễn Văn Phú       | 1958 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1944 | Nguyễn Văn Tiến      | 1949 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1945 | Nguyễn Văn Viên      | 1953 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1946 | Nguyễn Văn Vi        | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1947 | Nguyễn Viết Khai     | 1947 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1948 | Nguyễn Xuân Bình     | 1956 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1949 | Nguyễn Xuân Huê      | 1948 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1950 | Nguyễn Xuân Quán     | 1953 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1951 | Phạm Hữu Bích        | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1952 | Phạm Quang Đầu       | 1955 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1953 | Phạm Thế Cường       | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1954 | Phạm Thị Tý          |      | 1950 | 184280479 | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1955 | Phạm Văn Hoàng       | 1958 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1956 | Phạm Công Cường      | 1944 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1957 | Phạm Văn Thắng       | 1964 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1958 | Phạm Văn Thanh       | 1957 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1959 | Phùng Văn Liên       | 1954 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1960 | Thái Thị Hương       | 1947 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1961 | Trần Khánh           | 1955 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1962 | Trần Phú Hoàng       | 1939 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1963 | Trần Tinh            | 1967 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1964 | Trần Văn Gắng        | 1955 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1965 | Trần Văn Hoàn        | 1955 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1966 | Trần Văn Thông       | 1942 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1967 | Trương Hiệp Lợi      | 1954 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1968 | Vũ Ngọc Cừ           | 1941 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1969 | Đinh Sỹ Châu         | 1952 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh B |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1970 | Đỗ Văn Lai           | 1951 |      |           | P. Tam Phước | Thương binh B |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1971 | Lê Văn Kỳ            | 1952 |      | 276069389 | P. Tam Phước | Thương binh B |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                     |       |      |            |              |                        |  |  |           |  |  |
|------|---------------------|-------|------|------------|--------------|------------------------|--|--|-----------|--|--|
| 1972 | Phạm Thị Thân       |       | 1954 |            | P. Tam Phước | Thương binh B          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1973 | Trần Thị Nguyệt     |       | 1953 |            | P. Tam Phước | Thương binh B          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1974 | Lê Quang Thắng      | 1947  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, Bệnh binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1975 | Lưu Xuân Hòa        | 1955  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, Bệnh binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1976 | Nguyễn Tiến Lợi     | 1954  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, Bệnh binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1977 | Nguyễn Tường Thuật  | 1949  |      | 271488341  | P. Tam Phước | Thương binh, Bệnh binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1978 | Nguyễn Văn Hào      | 1948  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, Bệnh binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1979 | Lê Thị Dư           |       | 1937 | 272247142  | P. Tam Phước | Thương binh, CCCM, TD  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1980 | Ngô Văn Lớn         | 1954  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CCCM, TD  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1981 | Đặng Huy Tập        | 1950  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1982 | Đỗ Ngọc Đình        | 1940  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1983 | Hoàng Đức Mận       | 1953  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1984 | Lê Văn Nhuyễn       | 1956  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1985 | Nguyễn Cảnh Duyên   | 1950  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1986 | Nguyễn Văn Hùng     | 19039 |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1987 | Trình Ngọc Chương   | 1956  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1988 | Trình Xuân Kinh     | 1950  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1989 | Nguyễn Ngọc Yên     | 1925  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, TD        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1990 | Trần Bình Lợi       | 1947  |      |            | P. Tam Phước | Thương binh, TD        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1991 | Nguyễn Thị Tuyết    |       | 1957 |            | P. Tam Phước | Thương binh, TB        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1992 | Lê Văn Đô           | 1932  |      | 272646250  | P. Tam Phước | Tù đầy                 |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1993 | Võ Văn Lành         | 1946  |      |            | P. Tam Phước | Tù đầy                 |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1994 | Bùi Thị Hồng Thương |       | 1998 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1995 | Đào Thị Sè          |       | 1940 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1996 | Đào Thị Xoan        |       | 1934 | 1983998312 | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1997 | Đinh Thị Mến        |       | 1959 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1998 | Mai Thị Giá         |       | 1933 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 1999 | Nguyễn Thị Bằng     |       | 1945 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2000 | Nguyễn Thị Luyến    |       | 1947 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2001 | Nguyễn Thị Một      |       | 1930 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2002 | Nguyễn Thị Nguyễn   |       | 1947 | 272037049  | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2003 | Nguyễn Thị Sâm      |       | 1939 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2004 | Phạm Thị Thắng      |       | 1948 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2005 | Trần Thị Bằng       |       | 1945 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2006 | Trần Thị Thanh      |       | 1949 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2007 | Vũ Ngọc Quyên       |       | 1947 |            | P. Tam Phước | Tuất BB                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2008 | Bùi Thị Tục         |       | 1936 | 270249217  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2009 | Đặng Thị Ánh        |       | 1943 |            | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2010 | Đặng Thị Huệ        |       | 1962 |            | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2011 | Đỗ Thị Vành         |       | 1931 |            | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2012 | Đỗ Văn Sơn          | 1930  |      |            | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2013 | Lữ Thị Tất          |       | 1936 | 270243213  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2014 | Ngô Thị Chanh       |       | 1925 |            | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2015 | Ngô Thị Tú          |       | 1943 |            | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2016 | Nguyễn Thị Dư       |       | 1936 | 272669360  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                        |      |      |  |              |                 |  |                    |  |  |
|------|------------------------|------|------|--|--------------|-----------------|--|--------------------|--|--|
| 2017 | Nguyễn Thị Mai         |      | 1939 |  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2018 | Nguyễn Thị Ngân        |      | 1949 |  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2019 | Phạm Thị Trang         |      | 1949 |  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2020 | Phan Thị Ra            |      | 1939 |  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2021 | Trần Thị Lộc           |      | 1938 |  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2022 | Võ Thị Thanh           |      | 1960 |  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2023 | Vũ Thị Liễu            |      | 1937 |  | P. Tam Phước | Tuất liệt sỹ    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2024 | Bùi Tiến Cư            | 1952 |      |  | P. Tam Phước | TB mắt<br>sức   |  | 1.500.000          |  |  |
| 2025 | Lại Thị Vinh           |      | 1948 |  | P. Tam Phước | TB mắt<br>sức   |  | 1.500.000          |  |  |
| 2026 | Lê Duy Hoàng           |      | 1948 |  | P. Tam Phước | TB mắt<br>sức   |  | 1.500.000          |  |  |
| 2027 | Trần Văn Ty            | 1941 |      |  | P. Tam Phước | TB mắt<br>sức   |  | 1.500.000          |  |  |
|      | <b>Tổng: 177 người</b> |      |      |  |              |                 |  | <b>265.500.000</b> |  |  |
| XIX  | <b>PHUÔNG TÂN BIÊN</b> |      |      |  |              |                 |  |                    |  |  |
| 2028 | Đào Ngọc Bằng          | 1948 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2029 | Hoàng Văn Hoà          | 1950 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2030 | Lương Thế Kỳ           | 1958 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2031 | Nguyễn Duy Chữ         | 1950 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2032 | Nguyễn Văn Thiệu       | 1950 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2033 | Phạm Ngọc Liên         |      | 1952 |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2034 | Trần Đình Quý          | 1953 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2035 | Trần Hữu Phong         | 1956 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2036 | Vũ Đức Hồ              | 1940 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2037 | Trần Đình Rinh         | 1954 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh, CDHH |  | 1.500.000          |  |  |
| 2038 | Nguyễn Đức Miên        | 1950 |      |  | P. Tân Biên  | Bệnh binh, TB   |  | 1.500.000          |  |  |
| 2039 | Đinh Nhỏ Càn           | 1942 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH            |  | 1.500.000          |  |  |
| 2040 | Phạm Duy Linh          | 1957 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH            |  | 1.500.000          |  |  |
| 2041 | Phạm Văn Mẫn           | 1938 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH            |  | 1.500.000          |  |  |
| 2042 | Phạm Văn Thái          | 1952 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH            |  | 1.500.000          |  |  |
| 2043 | Trần Hồng Sơn          | 1952 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH            |  | 1.500.000          |  |  |
| 2044 | Đinh Thị Quảng         |      | 1976 |  | P. Tân Biên  | CDHH GT         |  | 1.500.000          |  |  |
| 2045 | Hoàng Tuấn Anh         | 1985 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH GT         |  | 1.500.000          |  |  |
| 2046 | Trần Đình Tú           | 1983 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH GT         |  | 1.500.000          |  |  |
| 2047 | Vũ Thị Đoàn Trang      |      | 1995 |  | P. Tân Biên  | CDHH GT         |  | 1.500.000          |  |  |
| 2048 | Vũ Việt Thành          | 1976 |      |  | P. Tân Biên  | CDHH GT         |  | 1.500.000          |  |  |
| 2049 | Quách Văn Mầu          | 1969 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh B   |  | 1.500.000          |  |  |
| 2050 | Đào Văn Dung           | 1961 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh     |  | 1.500.000          |  |  |
| 2051 | Hoàng Văn Nhị          | 1957 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh     |  | 1.500.000          |  |  |
| 2052 | Hoàng Văn Thủy         | 1959 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh     |  | 1.500.000          |  |  |
| 2053 | Hoàng Xuân Tới         | 1950 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh     |  | 1.500.000          |  |  |
| 2054 | Ngô Trương Sinh        | 1952 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh     |  | 1.500.000          |  |  |
| 2055 | Ngô Văn Thắng          | 1944 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh     |  | 1.500.000          |  |  |
| 2056 | Nguyễn Анг             | 1940 |      |  | P. Tân Biên  | Thương binh     |  | 1.500.000          |  |  |



|      |                                         |      |      |           |             |                        |  |  |                    |  |  |
|------|-----------------------------------------|------|------|-----------|-------------|------------------------|--|--|--------------------|--|--|
| 2057 | Nguyễn Đức Yên                          | 1950 |      | 272271471 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2058 | Nguyễn Quang Quý                        | 1932 |      | 270602520 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2059 | Nguyễn Quốc Biên                        | 1950 |      | 270742209 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2060 | Nguyễn Thanh Tùng                       | 1960 |      | 271242341 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2061 | Nguyễn Thị Thái                         |      | 1952 | 276026114 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2062 | Nguyễn Trọng Khang                      | 1948 |      | 272781945 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2063 | Nguyễn Văn Chiến                        | 1944 |      | 272184410 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2064 | Nguyễn Văn Hào                          | 1946 |      | 271904266 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2065 | Nguyễn Văn Ý                            | 1968 |      | 271157351 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2066 | Nguyễn Xuân Thanh<br>(Nguyễn Hữu Thanh) | 1949 |      | 272666732 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2067 | Nguyễn Xuân Thành                       | 1956 |      | 270879678 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2068 | Phạm Văn Dung                           | 1954 |      | 272446690 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2069 | Phạm Văn Hường                          | 1960 |      | 271921840 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2070 | Phạm Văn Sự                             | 1962 |      | 270392261 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2071 | Tân Đình Phần                           | 1944 |      | 272319520 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2072 | Tân Quốc Hội                            | 1952 |      | 271117741 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2073 | Tỉnh Anh Đồng                           | 1954 |      | 270790331 | P. Tân Biên | Thương binh            |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2074 | Vũ Bá Nhàn                              | 1947 |      | 125041418 | P. Tân Biên | Thương binh, Bêth binh |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2075 | Hoàng Quốc Dương                        | 1948 |      | 272271456 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2076 | Hoàng Văn Bình                          | 1952 |      | 272112450 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2077 | Lê Danh Cát                             | 1945 |      | 271461991 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2078 | Nguyễn Hữu Dai                          | 1953 |      | 271946759 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2079 | Nguyễn Thế Truyền                       | 1954 |      | 270808220 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2080 | Nguyễn Văn Quát                         | 1951 |      | 272118898 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2081 | Vũ Đức Tê                               | 1950 |      | 250207059 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2082 | Vũ Huân                                 | 1958 |      | 272123643 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2083 | Vũ Tiến Khang                           | 1946 |      | 271849078 | P. Tân Biên | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2084 | Lê Thị Đào                              | 1956 |      | 272389792 | P. Tân Biên | Tuất BB                |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2085 | Nguyễn Thị Mái                          |      | 1944 | 276076958 | P. Tân Biên | Tuất BB                |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2086 | Lương Thị Dậu                           |      | 1957 | 271940740 | P. Tân Biên | Tuất CDHH              |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2087 | Đỗ Bá Gùng                              | 1942 |      | 272118602 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2088 | Lê Thị Xong                             | 1932 |      | 270080055 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2089 | Nguyễn Đình Huy                         | 1933 |      | 271990959 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2090 | Nguyễn Hữu Phá<br>(Nguyễn Văn Phá)      | 1921 |      | 270401380 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2091 | Nguyễn Thị Chin                         |      | 1926 | 380092032 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2092 | Nguyễn Thị Chút                         |      | 1938 | 272428033 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2093 | Nguyễn Thị Lân                          |      | 1946 | 272113603 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2094 | Phạm Thị Kịch                           |      | 1935 | 276002261 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2095 | Tân Thị Thiều                           |      | 1940 | 270400283 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2096 | Vũ Thị Chính                            |      | 1940 |           | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2097 | Vũ Thị Nhài                             |      | 1932 | 270407120 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
| 2098 | Vũ Thị Xuê                              |      | 1944 | 272358704 | P. Tân Biên | Tuất liệt sỹ           |  |  | 1.500.000          |  |  |
|      | <b>Tổng: 71 người</b>                   |      |      |           |             |                        |  |  | <b>106.500.000</b> |  |  |



|      |                                       |      |      |           |             |                    |                          |            |  |
|------|---------------------------------------|------|------|-----------|-------------|--------------------|--------------------------|------------|--|
| XX   | PHƯỜNG TÂN HẠNH                       |      |      |           |             |                    |                          |            |  |
| 2099 | Lê Gia Thông                          | 1952 |      | 272123957 | P. Tân Hạnh | Thương binh        |                          |            |  |
| 2100 | Lê Thị Trang                          |      | 1928 | 270162035 | P. Tân Hạnh | CCCM               | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |
| 2101 | Lê Văn Quang                          | 1952 |      | 250377321 | P. Tân Hạnh | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2102 | Nguyễn Hữu Nhơn                       | 1945 |      | 272940378 | P. Tân Hạnh | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2103 | Phan Thị Hai                          |      | 1937 | 270162049 | P. Tân Hạnh | CCCM               | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |
| 2104 | Trần Thị Hồng                         |      | 1946 | 270168274 | P. Tân Hạnh | CCCM               |                          | 1.500.000  |  |
| 2105 | Trần Văn Ân                           | 1952 |      | 272312726 | P. Tân Hạnh | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2106 | Trương Ngọc Huệ                       |      | 1959 | 270751146 | P. Tân Hạnh | Tuất TB            |                          | 12.000.000 |  |
|      | Tổng: 8 người                         |      |      |           |             |                    |                          |            |  |
| XXI  | PHƯỜNG TÂN HIỆP                       |      |      |           |             |                    |                          |            |  |
| 2107 | Đỗ Thị Mận                            |      | 1930 |           | P. Tân Hiệp | Bà Mẹ VNAH, Tù đầy |                          | 1.500.000  |  |
| 2108 | Bùi Đình Nhu                          | 1937 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |
| 2109 | Bùi Huy Dịch                          | 1955 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2110 | Chu Hồng Trường                       | 1946 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2111 | Đinh Thị Miên<br>(Đinh Thị Hồng Miên) | 1952 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2112 | Lê Thanh Loan                         | 1951 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2113 | Lê Văn Lương                          | 1948 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2114 | Ngô Quang Tường                       | 1956 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2115 | Nguyễn Đức Phương                     | 1945 |      | 272289373 | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2116 | Nguyễn Thế Mục                        | 1954 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2117 | Nguyễn Thị Tách                       |      | 1944 |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2118 | Nguyễn Thị Thanh                      |      | 1959 |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2119 | Nguyễn Văn Phụng                      | 1957 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2120 | Nguyễn Xuân Việt                      | 1952 |      | 271622697 | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2121 | Phạm Văn Hào                          | 1947 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2122 | Tổng Xuân Chỉ                         | 1960 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2123 | Trần Văn Diệu                         | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2124 | Trần Văn Đình<br>(Trần Nam Đình)      | 1957 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2125 | Trần Văn Xuân                         | 1956 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh          |                          | 1.500.000  |  |
| 2126 | Lê Quang Trung                        | 1956 |      |           | P. Tân Hiệp | Bệnh binh, TBB     |                          | 1.500.000  |  |
| 2127 | Phan Thị Châu                         |      | 1932 |           | P. Tân Hiệp | CCCM, Tuất LS      |                          | 1.500.000  |  |
| 2128 | Đặng Đình Ưông                        | 1948 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2129 | Đào Đức Xế                            | 1952 |      | 271817033 | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2130 | Đào Ngọc Bảy                          | 1936 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2131 | Đinh Thế Dũng                         | 1941 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2132 | Lê Ngọc Việt                          | 1949 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2133 | Lê Nguyễn Cải                         | 1954 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2134 | Lê Quyết Tiến                         | 1949 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |
| 2135 | Lê Thị Hồng Hạnh                      |      | 1954 | 271812553 | P. Tân Hiệp | CDHH               |                          | 1.500.000  |  |



|      |                        |      |      |           |             |                 |  |  |           |  |  |
|------|------------------------|------|------|-----------|-------------|-----------------|--|--|-----------|--|--|
| 2136 | Lê Thị Hương           |      | 1948 |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2137 | Lưu Sơn Cự             | 1941 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2138 | Nguyễn Công Hoàn       | 1951 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2139 | Nguyễn Đình Ngộ        | 1953 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2140 | Nguyễn Ngọc Doan       | 1958 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2141 | Nguyễn Ngọc Lương      | 1961 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2142 | Nguyễn Thị Ngọc Hà     |      | 1952 |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2143 | Nguyễn Tuấn Doanh      | 1948 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2144 | Nguyễn Văn Chất        | 1944 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2145 | Nguyễn Văn Đình        | 1947 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2146 | Nguyễn Văn Hát         | 1955 |      | 270808251 | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2147 | Nguyễn Văn Kế          | 1946 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2148 | Nguyễn Văn Tào         | 1955 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2149 | Nguyễn Văn Triều       | 1947 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2150 | Phạm Thư Sinh          | 1953 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2151 | Phạm Trung Hiến        | 1955 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2152 | Phạm Văn Ngã           | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2153 | Phạm Xuân Mốc          | 1952 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2154 | Phạm Xuân Thiệu        | 1952 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2155 | Tổng Hữu Niên          | 1948 |      | 272740471 | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2156 | Trần Lập Thi           | 1947 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2157 | Trần Thị Kim Ngân      |      | 1948 |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2158 | Vũ Ngọc Hòa            | 1949 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2159 | Hoàng Giang            | 1990 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2160 | Lê Văn Nghi            | 1979 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2161 | Lương Thị Huệ Trúc     | 1999 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2162 | Nguyễn Thị Kim Phương  |      | 1967 |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2163 | Nguyễn Thị Kỳ          |      | 1983 |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2164 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung |      | 1964 |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2165 | Nguyễn Tuấn Ninh       | 1944 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2166 | Phạm Mạnh Quân         | 1981 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2167 | Thái Văn Nam           | 1974 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2168 | Trần Châu Tuấn         | 1983 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2169 | Trần Văn Quyết         | 1983 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2170 | Trần Xuân Minh Diệp    |      | 1993 |           | P. Tân Hiệp | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2171 | Nguyễn Thị Hiệp        |      | 1934 |           | P. Tân Hiệp | CDHH, Tủ đầy    |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2172 | Nguyễn Văn Chín        | 1954 |      |           | P. Tân Hiệp | CDHH, Tủ đầy    |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2173 | Trần Thị Hà            |      | 1994 |           | P. Tân Hiệp | CDHH, Tủ đầy BB |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2174 | Lê Huy Hoàn            | 1963 |      |           | P. Tân Hiệp | TB B            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2175 | Ngô Văn Quyền          | 1957 |      |           | P. Tân Hiệp | TB B            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2176 | Nguyễn Hồng Thom       | 1938 |      |           | P. Tân Hiệp | TB B            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2177 | Nguyễn Mạnh Hùng       | 1956 |      |           | P. Tân Hiệp | TB B            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2178 | Trần Nguyễn Doãn       | 1953 |      |           | P. Tân Hiệp | TB B            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2179 | Bùi Hồng Tâm           | 1961 |      | 272179263 | P. Tân Hiệp | Thương binh     |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2180 | Bùi Ngọc Khôi          | 1958 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh     |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                        |      |      |           |             |             |  |           |  |  |
|------|------------------------|------|------|-----------|-------------|-------------|--|-----------|--|--|
| 2181 | Bùi Quang Thịnh        | 1958 |      | 272270947 | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2182 | Bùi Văn Trí            | 1963 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2183 | Đặng Quang Khiêm       | 1951 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2184 | Đỗ Danh Kiên           | 1964 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2185 | Đỗ Văn Xâm             | 1939 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2186 | Đoàn Tất Cảnh          | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2187 | Dương Chí Ngân         | 1950 |      | 272295127 | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2188 | Dương Văn Đới          | 1946 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2189 | Hồ Quốc Phú            | 1960 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2190 | Hoàng Bá Mạnh          | 1963 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2191 | Hoàng Nguyễn Nhạc      | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2192 | Hoàng Văn Cẩn          | 1963 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2193 | Hoàng Xuân Thanh       | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2194 | Lại Việt Hồng          | 1953 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2195 | Lê Thanh Bình          | 1955 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2196 | Lê Thị Hương           |      | 1935 |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2197 | Lê Văn Kiêm            | 1958 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2198 | Lê Văn Từ              | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2199 | Lưu Thiện Nhuận        | 1954 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2200 | Mai Khắc Trọng         | 1938 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2201 | Mai Thế Toàn           | 1945 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2202 | Nguyễn Bá Nụ           | 1953 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2203 | Nguyễn Đăng Xuân       | 1952 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2204 | Nguyễn Đình Khang      | 1954 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2205 | Nguyễn Hùng            | 1955 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2206 | Nguyễn Hữu Thái        | 1959 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2207 | Nguyễn Lông            | 1949 |      | 271514691 | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2208 | Nguyễn Mạnh Tuyên      | 1946 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2209 | Nguyễn Ngọc Chao       | 1963 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2210 | Nguyễn Ngọc Sơn        | 1958 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2211 | Nguyễn Ngọc Thái       | 1957 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2212 | Nguyễn Quang Hoài      | 1962 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2213 | Nguyễn Quang Năm       | 1956 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2214 | Nguyễn Quốc Hối        | 1948 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2215 | Nguyễn Sỹ Biều         | 1944 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2216 | Nguyễn Tấn Đạt         | 1945 |      | 271414725 | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2217 | Nguyễn Thanh Tùng      | 1947 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2218 | Nguyễn Thị Ngo         |      | 1954 |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2219 | Nguyễn Thị Thua (hiếp) |      | 1934 | 272287119 | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2220 | Nguyễn Trung Khánh     | 1949 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2221 | Nguyễn Trung Thành     | 1966 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2222 | Nguyễn Từ Vinh         | 1959 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2223 | Nguyễn Văn Dân         | 1957 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2224 | Nguyễn Văn Doanh       | 1958 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 2225 | Nguyễn Văn Dũng        | 1958 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                    |      |      |           |             |                                 |  |  |           |  |                      |
|------|--------------------|------|------|-----------|-------------|---------------------------------|--|--|-----------|--|----------------------|
| 2226 | Nguyễn Văn Hải     | 1966 |      | 272794113 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2227 | Nguyễn Văn Lý      | 1961 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2228 | Nguyễn Văn Nguyên  | 1941 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2229 | Nguyễn Văn Thanh   | 1949 |      | 272870116 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2230 | Nguyễn Văn Tuấn    | 1955 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2231 | Nguyễn Xuân Tường  | 1957 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2232 | Phạm Đức Cường     | 1956 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2233 | Phạm Minh Khoa     | 1952 |      | 168334880 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2234 | Phạm Ngọc Thắng    | 1952 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2235 | Phạm Thế Lịch      | 1945 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2236 | Phạm Trung Cảnh    | 1960 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2237 | Phạm Văn An        | 1959 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2238 | Phạm Văn Tuyển     | 1948 |      | 271990495 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2239 | Phạm Đình Hữu      | 1957 |      | 271452115 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2240 | Phan Trần Tường    | 1960 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2241 | Thái Trọng Tuấn    | 1952 |      | 270856574 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2242 | Thái Vũ Đoài       | 1964 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2243 | Tổng Quốc Việt     | 1950 |      | 272144264 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2244 | Tổng Sơn Linh      | 1946 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2245 | Trần Anh Tranh     | 1938 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 500.000   |  | Chết<br>tháng 4/2020 |
| 2246 | Trần Hữu Lung      | 1946 |      | 272738064 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2247 | Trần Nguyễn Quân   | 1952 |      | 272298846 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2248 | Trần Thị Thanh     |      | 1951 |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2249 | Trần Trung Tú      | 1949 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2250 | Trần Văn Chiến     | 1964 |      | 271489231 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2251 | Trần Văn Lộc       | 1963 |      | 271539422 | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2252 | Trần Văn Thuần     | 1942 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2253 | Trình Tuấn Anh     | 1957 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2254 | Trình Xuân Anh     | 1948 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2255 | Trương Công Thoa   | 1945 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2256 | Trương Thị mỹ Châu |      | 1950 |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2257 | Vô Tấn Sỹ          | 1969 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2258 | Vũ Văn Thìn        | 1946 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2259 | Vũ Việt Sinh       | 1937 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh                     |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2260 | Vũ Xuân Đăng       | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, Bệnh binh,<br>CDHH |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2261 | Dương Văn Vời      | 1947 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2262 | Hoàng Ngọc Toàn    | 1949 |      | 272199596 | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2263 | Lương Xuân Liệu    | 1955 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2264 | Ngô Minh Quân      | 1937 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2265 | Nguyễn Đức Bàn     | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2266 | Nguyễn Ngọc Năng   | 1950 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2267 | Nguyễn Thế Đề      | 1956 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |
| 2268 | Nguyễn Trọng Đa    | 1952 |      |           | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH               |  |  | 1.500.000 |  |                      |



|      |                      |      |      |            |             |                            |                          |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|------------|-------------|----------------------------|--------------------------|--|-----------|--|--|
| 2269 | Nguyễn Văn Chiến     | 1949 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2270 | Nguyễn Xuân Dạn      | 1955 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2271 | Phạm Tiến Trung      | 1956 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2272 | Thái Văn Thu         | 1940 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2273 | Tổng Hữu Sơn         | 1948 |      | 27177434   | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2274 | Trần Phong Chảo      | 1942 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2275 | Vũ Đức Túy           | 1954 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2276 | Vũ Trí               | 1943 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2277 | Vy Ngọc Ninh         | 1948 |      | 270713514  | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2278 | Nguyễn Đức Tinh      | 1955 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH, QĐ 142  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2279 | Phạm Thị Minh Sáu    | 1949 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, CDHH, Tuất BB |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2280 | Vũ Tiến Dũng         | 1956 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, QĐ142         |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2281 | Nguyễn Văn Di        | 1946 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, Tù đầy        |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2282 | Phạm Văn Thung       | 1943 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, Tù đầy        |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2283 | Phan Đình Phước      | 1948 |      |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, Tù đầy        |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2284 | Trương Thị Xương     |      | 1938 |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, Tù đầy        |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2285 | Nguyễn Thị Tuyết     |      | 1942 |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, tuất CDHH     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2286 | Trần Thị Dung        |      | 1943 |            | P. Tân Hiệp | Thương binh, tuất CDHH     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2287 | Đinh Văn Bằng        | 1951 |      | 272205665  | P. Tân Hiệp | Tù đầy                     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2288 | Hoàng Công Thóng     | 1934 |      |            | P. Tân Hiệp | Tù đầy                     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2289 | Nguyễn Thị Hồng      |      | 1952 |            | P. Tân Hiệp | Tù đầy                     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2290 | Nguyễn Thị Xà        |      | 1944 |            | P. Tân Hiệp | Tù đầy                     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2291 | Phan Quốc Thái       | 1933 |      |            | P. Tân Hiệp | Tù đầy                     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2292 | Phan Văn Thành       | 1934 |      |            | P. Tân Hiệp | Tù đầy                     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2293 | Mai Thị Nguyễn       |      | 1936 |            | P. Tân Hiệp | Tuất BB                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2294 | Nguyễn Thị Hoàn      |      | 1949 |            | P. Tân Hiệp | Tuất BB                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2295 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh |      | 1948 |            | P. Tân Hiệp | Tuất CDHH                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2296 | Trần Thị Bình        |      | 1950 |            | P. Tân Hiệp | Tuất CDHH                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2297 | Bùi Thị Liên         |      | 1925 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2298 | Bùi Thị Ngọt         |      | 1946 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2299 | Cao Văn Nhi          | 1928 |      |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000 |  |  |
| 2300 | Ngô Thị Thao         |      | 1938 | 2708228855 | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2301 | Ngô Thị Toàn         |      | 1942 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2302 | Nguyễn Thị Diên      |      | 1943 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2303 | Nguyễn Thị Lang      |      | 1940 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2304 | Nguyễn Thị Nguyệt    |      | 1939 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2305 | Nguyễn Thị Nguyệt    |      | 1937 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2306 | Nguyễn Thị Phúc      |      | 1922 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2307 | Nguyễn Thị Thảo      |      | 1933 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2308 | Nguyễn Thị Tuất      |      | 1933 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2309 | Phạm Thị Chiêu       |      | 1931 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2310 | Phạm Thị Nhâm        |      | 1938 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2311 | Phạm Thị Tý          |      | 1928 |            | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ               |                          |  | 1.500.000 |  |  |



|                             |                    |      |           |             |                   |               |                          |             |  |                                          |
|-----------------------------|--------------------|------|-----------|-------------|-------------------|---------------|--------------------------|-------------|--|------------------------------------------|
| 2312                        | Vũ Thị Hà          | 1920 |           | P. Tân Hiệp | Tuất liệt sỹ      |               | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000   |  |                                          |
| 2313                        | Lý Mỹ Lê           | 1930 |           | P. Tân Hiệp | Tuất TB           |               | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000   |  |                                          |
| 2314                        | Mai Thị Lân        | 1956 |           | P. Tân Hiệp | Tuất TB           |               | Bán vé số                | 600.000     |  | Dã nhận<br>900.000 đồng<br>bên bán vé số |
| 2315                        | Vũ Thị Thảo        | 1952 |           | P. Tân Hiệp | Tuất TB           | TB mắt<br>sức |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2316                        | Lê Danh Cường      | 1951 |           | P. Tân Hiệp |                   | TB mắt<br>sức |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2317                        | Nguyễn Văn Vự      | 1944 |           | P. Tân Hiệp |                   | TB mắt<br>sức |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2318                        | Phạm Xuân Mộc      | 1949 |           | P. Tân Hiệp |                   | TB mắt<br>sức |                          | 1.500.000   |  |                                          |
|                             | Tổng: 212 người    |      |           |             |                   |               |                          | 316.100.000 |  |                                          |
| <b>XXII PHU'ONG TÂN HOA</b> |                    |      |           |             |                   |               |                          |             |  |                                          |
| 2319                        | Tạ Văn Tuấn        | 1958 | 272455803 | P. Tân Hòa  | Bệnh binh         |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2320                        | Vũ Công Uẩn        | 1944 | 270898311 | P. Tân Hòa  | Bệnh binh         |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2321                        | Nguyễn Hữu Tuyển   | 1946 | 272269755 | P. Tân Hòa  | CDHH              |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2322                        | Trần Đức Hành      | 1947 | 272616597 | P. Tân Hòa  | CDHH              |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2323                        | Bùi Quyết Chiến    | 1956 | 271619919 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2324                        | Đinh Nguyễn Trịnh  | 1943 | 271751081 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2325                        | Đinh Quang Vinh    | 1962 | 270379689 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2326                        | Ngô Văn Ngừ        | 1960 |           | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2327                        | Nguyễn Đình Tuyển  | 1960 | 270394501 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2328                        | Nguyễn Trung Tập   | 1948 | 272205297 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2329                        | Nguyễn Văn Nhật    | 1948 | 272268621 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2330                        | Nguyễn Xuân Bang   | 1965 | 271380880 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2331                        | Phạm Văn Dũng      | 1963 | 272271812 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2332                        | Vũ Văn Công        | 1962 | 270392432 | P. Tân Hòa  | Thương binh       |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2333                        | Bùi Ngọc Ngươn     | 1950 | 270017165 | P. Tân Hòa  | Thương binh, CDHH |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2334                        | Đỗ Văn Cù          | 1955 | 271484879 | P. Tân Hòa  | Thương binh, CDHH |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2335                        | Vũ Hùng            | 1949 | 272286335 | P. Tân Hòa  | Thương binh, CDHH |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2336                        | Nguyễn Khoan       | 1930 |           | P. Tân Hòa  | Thương binh, TD   |               |                          | 500.000     |  | Chết<br>tháng 4/2020                     |
| 2337                        | Nguyễn Thị Milet   | 1957 | 272583672 | P. Tân Hòa  | Tuất BB           |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2338                        | Vũ Thị Tuyết Nhung | 1981 | 271415031 | P. Tân Hòa  | Tuất BB           |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2339                        | Đinh Thị Nam       | 1964 | 272455794 | P. Tân Hòa  | Tuất liệt sỹ      |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2340                        | Đỗ Văn Cường       | 1955 | 270393839 | P. Tân Hòa  | Tuất liệt sỹ      |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2341                        | Lê Thị Tuyết Linh  | 1973 | không có  | P. Tân Hòa  | Tuất liệt sỹ      |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2342                        | Vũ Thị Toàn        | 1959 | 270393492 | P. Tân Hòa  | Tuất liệt sỹ      |               |                          | 1.500.000   |  |                                          |
| 2343                        | Mai Thị Luật       | 1932 | 272726626 | P. Tân Hòa  | Tuất liệt sỹ      |               | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000   |  |                                          |
| 2344                        | Nguyễn Thị Xa      | 1929 | 272289619 | P. Tân Hòa  | Tuất liệt sỹ      |               | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000   |  |                                          |







|      |                      |      |           |            |                              |  |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|-----------|------------|------------------------------|--|--|-----------|--|--|
| 2387 | Lê Quang Độ          | 1958 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2388 | Lê Văn Niên          | 1952 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2389 | Lê Xuân Thiện        | 1950 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2390 | Mạch Hồng            | 1961 | 271919339 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2391 | Mai Đình Nguyễn      | 1946 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2392 | Mai Việt Thế         | 1953 | 270713617 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2393 | Nguyễn Ánh Hồng      | 1954 | 271391811 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2394 | Nguyễn Công Danh     | 1954 | 270002240 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2395 | Nguyễn Công Lâm      | 1960 | 270126001 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2396 | Nguyễn Đình Hạp      | 1955 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2397 | Nguyễn Đình Phúc     | 1953 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2398 | Nguyễn Doanh         | 1956 | 272189048 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2399 | Nguyễn Hữu Thêm      | 1933 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2400 | Nguyễn Minh Mẫn      | 1944 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2401 | Nguyễn Thanh Hùng    | 1946 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2402 | Nguyễn Tiên Chúc     | 1957 | 270780327 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2403 | Nguyễn Văn Cường     | 1952 | 270385005 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2404 | Nguyễn Văn Hạnh      | 1964 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2405 | Nguyễn Xuân Đình     | 1955 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2406 | Tô Anh Hào           | 1943 | 271539606 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2407 | Trần Mạnh Hùng       | 1946 | 270366727 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2408 | Trần Trọng Bích      | 1961 | 270431589 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2409 | Trần Văn Bắc         | 1958 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2410 | Trần Văn Toàn        | 1960 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2411 | Trần Văn Xê (anh)    | 1943 |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2412 | Trương Xuân Chung    |      | 270778958 | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2413 | Vương Quang Dung     |      |           | P. Tân Mai | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2414 | Nguyễn Duy Sừ        | 1940 |           | P. Tân Mai | Thương binh, Bệnh binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2415 | Đinh Thị Hồng Hạnh   | 1950 | 270008798 | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2416 | Đỗ Văn Quang         | 1955 | 270694344 | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2417 | Lê Đình Lộc          | 1948 |           | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2418 | Nguyễn Phương Đông   | 1952 |           | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2419 | Nguyễn Thị Bình      | 1952 |           | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2420 | Nguyễn Thị Hồng Linh | 1947 |           | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2421 | Nguyễn Văn Thanh     | 1954 | 270856527 | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2422 | Phạm Anh Dung        | 1945 |           | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2423 | Trần Đình Khai       | 1945 |           | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2424 | Vô Văn Tròn          | 1936 | 271630191 | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2425 | Phạm Thị Hải         |      |           | P. Tân Mai | Thương binh, CDHH, Từ đây    |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2426 | Mai Thị Liên         | 1945 |           | P. Tân Mai | Thương binh, Tuất LS         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2427 | Nguyễn Thị Ánh       | 1942 | 270439760 | P. Tân Mai | Thương binh, Tuất LS, Từ đây |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2428 | Nguyễn Thị Thọ       | 1940 | 270013892 | P. Tân Mai | Thương binh, Tuất LS, Từ đây |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2429 | Đỗ Hồng Giang        | 1928 | 270709889 | P. Tân Mai | TKN                          |  |  | 1.500.000 |  |  |



|             |                         |      |      |  |              |              |  |                    |  |  |
|-------------|-------------------------|------|------|--|--------------|--------------|--|--------------------|--|--|
| 2430        | Cải Thị Như Mai         |      | 1951 |  | P. Tân Mai   | Tù đầy       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2431        | Đỗ Ngọc Đình            | 1933 |      |  | P. Tân Mai   | Tù đầy       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2432        | Nguyễn Duy Truyền       | 1930 |      |  | P. Tân Mai   | Tù đầy       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2433        | Nguyễn Thị Thanh        |      | 1935 |  | P. Tân Mai   | Tù đầy       |  | 1.500.000          |  |  |
| 2434        | Nguyễn Thị Hồng Thùy    |      | 1964 |  | P. Tân Mai   | Tuất CDIHH   |  | 1.500.000          |  |  |
| 2435        | Bùi Văn Sơn             | 1960 |      |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2436        | Đinh Thị Tho            |      | 1930 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2437        | Hồ Thị Cúc              |      | 1929 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2438        | Hoàng Thị Tuyết Hương   |      | 1964 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2439        | Nguyễn Thị Vành         |      | 1940 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2440        | Phạm Ngọc Lê            |      | 1924 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2441        | Phạm Thị Thêu           |      | 1933 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2442        | Trần Thị Sánh           |      | 1930 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2443        | Trịnh Thị Lanh          |      | 1959 |  | P. Tân Mai   | Tuất liệt sỹ |  | 1.500.000          |  |  |
| 2444        | Trần Thị Khuê           |      | 1925 |  | P. Tân Mai   | Tuất LTCM    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2445        | Phạm Thế Nhật           | 1950 |      |  | P. Tân Mai   | TB mất sức   |  | 1.500.000          |  |  |
|             | <b>Tổng: 100 người</b>  |      |      |  |              |              |  | <b>150.000.000</b> |  |  |
| <b>XXIV</b> | <b>PHƯỜNG TÂN PHONG</b> |      |      |  |              |              |  |                    |  |  |
| 2446        | Cù Xuân Nhâm            | 1953 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2447        | Đỗ Xuân Khánh           | 1961 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2448        | Dương Thanh Bình        | 1946 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2449        | Hà Văn Võ               | 1958 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2450        | Hoàng Hải Lợi           | 1949 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2451        | Hoàng Ngọc Đại          | 1960 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2452        | Huỳnh Thị Xuân          |      | 1947 |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2453        | Lâm Hà Bắc              | 1961 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2454        | Lê Xuân Khôi            | 1958 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2455        | Mai Văn Xuân            | 1947 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2456        | Nguyễn Đình Nhung       | 1956 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2457        | Nguyễn Duy Mai          | 1950 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2458        | Nguyễn Ngọc Đình        | 1958 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2459        | Nguyễn Ngọc Dũng        | 1947 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2460        | Nguyễn Văn Ngoan        | 1955 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2461        | Phạm Khắc Tinh          | 1957 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2462        | Phạm Kim Cương          | 1958 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2463        | Phạm Văn Năm            | 1954 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2464        | Phạm Văn Tài            | 1952 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2465        | Phạm Văn Tu             | 1949 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2466        | Tông Bá Kê              | 1951 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2467        | Trần Đăng Khoa          | 1956 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2468        | Trần Khắc Duyêt         | 1945 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2469        | Trần Thanh Giản         | 1944 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2470        | Trần Văn Đức            | 1960 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |
| 2471        | Trần Viết Đạt           | 1964 |      |  | P. Tân Phong | Bệnh binh    |  | 1.500.000          |  |  |



|      |                      |      |      |             |              |                 |  |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|-------------|--------------|-----------------|--|--|-----------|--|--|
| 2472 | Trần Xuân Thắng      | 1955 |      | 271 936 940 | P. Tân Phong | Bệnh binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2473 | Trịnh Văn Trường     | 1958 |      |             | P. Tân Phong | Bệnh binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2474 | Trương Văn Thịnh     | 1950 |      | 271 474 928 | P. Tân Phong | Bệnh binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2475 | Nguyễn Xuân Nghinh   | 1947 |      | 272 091 426 | P. Tân Phong | Bệnh binh, CDHH |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2476 | Trịnh Thị Cấp        |      | 1921 |             | P. Tân Phong | CCCM            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2477 | Bùi Đình Tôn         | 1952 |      | 272 798 076 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2478 | Đặng Đức Minh        | 1952 |      | 271 435 042 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2479 | Đinh Thị Luyện       |      | 1954 | 270 856 530 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2480 | Đinh Thị Nhân        |      | 1940 | 270 367 376 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2481 | Đinh Văn Tam         | 1955 |      | 270 854 173 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2482 | Đỗ Nhật Ánh          | 1943 |      | 270 007 018 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2483 | Dương Bình           | 1952 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2484 | Dương Hoa Thích      | 1942 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2485 | Dương Thanh Nghị     | 1950 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2486 | Hàn Xuân Tuyền       | 1944 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2487 | Hồ Đình Chiến        | 1951 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2488 | Hoàng Anh Chữ        | 1950 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2489 | Hoàng Như Mão        | 1945 |      | 271 949 617 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2490 | Lê Rắn               | 1945 |      | 272 207 123 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2491 | Lê Trọng Mạo         | 1955 |      | 272 615 408 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2492 | Lê Văn Khánh         | 1939 |      | 272 330 027 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2493 | Lê Văn Thắng         | 1947 |      | 270 005 119 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2494 | Lê Văn Triết         | 1938 |      | 270 008 642 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2495 | Lưu Thị Hoa          |      | 1954 | 271 844 146 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2496 | Nguyễn Quốc Trí      | 1953 |      | 272 358 159 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2497 | Nguyễn Thị Minh Tư   |      | 1942 | 270 729 431 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2498 | Nguyễn Thị Ngọc Dung |      | 1951 | 270 000 903 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2499 | Nguyễn Tiến Chính    | 1949 |      | 270 007 489 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2500 | Nguyễn Văn Hạ        | 1948 |      | 270 012 291 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2501 | Nguyễn Văn Hoa       | 1958 |      | 272 272 168 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2502 | Nguyễn Văn Nhon      | 1949 |      | 271 788 805 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2503 | Nguyễn Văn Tim       | 1945 |      | 270 808 387 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2504 | Phạm Công Trừ        | 1948 |      | 270 001 357 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2505 | Phạm Đức Trọng       | 1950 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2506 | Phạm Minh Giới       | 1933 |      |             | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2507 | Phạm Văn Chì         | 1946 |      | 264 221 702 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2508 | Phạm Đức Hàng        | 1940 |      | 270 713 527 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2509 | Phan Quang Trung     | 1951 |      | 270 854 974 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2510 | Phùng Như Ý          | 1934 |      | 270 013 553 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2511 | Tà Duy Chính         | 1941 |      | 271379 786  | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2512 | Trần Công Thuận      | 1952 |      | 270 854 695 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2513 | Trần Đức Thảo        | 1949 |      | 272 500 868 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2514 | Trần Thị Quý         |      | 1946 | 270 001 422 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2515 | Trần Văn Dạng        | 1944 |      | 271 802 674 | P. Tân Phong | CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2516 | Đào Phi Hùng         | 1981 |      | 271 400 502 | P. Tân Phong | CDHH GT         |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |             |              |                   |  |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|-------------|--------------|-------------------|--|--|-----------|--|--|
| 2517 | Diệp Thị Thuý Vinh   |      | 1989 | Khai sinh   | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2518 | Hàn Hoàng Ánh        |      | 2006 | Khai sinh   | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2519 | Hoàng Thị Lệ Hải     |      | 1993 | 272 584 622 | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2520 | Lê Tiến Tư           | 1980 |      |             | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2521 | Nguyễn Ngô Huy       | 1980 |      |             | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2522 | Nguyễn Thị Hương     |      | 1971 | không có    | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2523 | Nguyễn Trung Thái    | 1974 |      | không có    | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2524 | Nguyễn Văn Hoà       | 1977 |      | 271 376 337 | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2525 | Phạm Đức Thuận       | 1980 |      | 271 400 473 | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2526 | Phạm Ngân Hà         |      | 1986 | 271 743 036 | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2527 | Phạm Thị Khánh Trang |      | 1983 |             | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2528 | Phan Đình Hiệp       | 1984 |      | 272 782 735 | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2529 | Tô Mai Thảo Suong    |      | 1992 | 272 339 001 | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2530 | Tần Thị Thu Hà       |      | 1993 |             | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2531 | Trương Thành Nam     | 1979 |      |             | P. Tân Phong | CDHH GT           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2532 | Nguyễn Tổng Dương    | 1954 |      | 272 220 000 | P. Tân Phong | CDHH, QĐ 142      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2533 | Lương Văn Sa         | 1951 |      | 271 711 807 | P. Tân Phong | CDHH, Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2534 | Nguyễn Hùng Vỹ       | 1943 |      | 272 377 747 | P. Tân Phong | CDHH, Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2535 | Vũ Trọng Tấn         | 1952 |      |             | P. Tân Phong | CDHH, Thương binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2536 | Nguyễn Thanh Tâm     |      | 1940 | 270 007 177 | P. Tân Phong | CDHH, Tù đầy      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2537 | Bùi Đỗ Thao          | 1939 |      | 272 392 888 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2538 | Bùi Đức Mỹ           | 1956 |      | 271 788 112 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2539 | Bùi Hải Huyền        | 1958 |      | 272 716 969 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2540 | Bùi Quốc Bảo         | 1949 |      | 272 582 749 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2541 | Bùi Thanh Xuân       | 1942 |      | 270 624 241 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2542 | Bùi Thị Ngọc Anh     |      | 1953 | 271 385 028 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2543 | Bùi Văn Chính        | 1955 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2544 | Bùi Văn Hòa          | 1966 |      | 270 727 016 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2545 | Bùi Văn Tinh         | 1956 |      | 271 501 166 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2546 | Cao Thị Tường        | 1948 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2547 | Đặng Duy Thanh       | 1948 |      | 272 369 395 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2548 | Đặng Thái Đình       | 1952 |      | 270 504 492 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2549 | Đặng Văn Thụ         | 1955 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2550 | Đào Tấn Hưng         | 1951 |      | 271 461 881 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2551 | Đào Thị Mai          |      | 1953 | 276 029 699 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2552 | Đinh Tiến Tuấn       | 1959 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2553 | Đinh Văn Ty          | 1956 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2554 | Đinh Xuân Trường     | 1954 |      | 271 183 273 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2555 | Đỗ Doãn Tắc          | 1955 |      | 270 378 740 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2556 | Đoàn Thị Phương Lan  |      | 1955 | 272 965 345 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2557 | Đông Thị Thư         |      | 1950 | 271 817 240 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2558 | Giang Thị Huệ        |      | 1949 | 271 645 394 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2559 | Hà Kim Đồng          | 1955 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2560 | Hà Mạnh Khoa         | 1950 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2561 | Hồ Cư                | 1941 |      | 271 435 156 | P. Tân Phong | Thương binh       |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                     |      |      |             |              |             |  |           |  |  |
|------|---------------------|------|------|-------------|--------------|-------------|--|-----------|--|--|
| 2562 | Hồ Văn Khoe         | 1952 |      | 270 640 791 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2563 | Hồ Xuân Tiếp        | 1938 |      | 270 008 908 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2564 | Hoàng Cận           | 1950 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2565 | Hoàng Đình Tông     | 1944 |      | 272 487 994 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2566 | Hoàng Minh Việt     | 1954 |      | 272 037 459 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2567 | Hoàng Quốc Lịch     | 1945 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2568 | Huỳnh Thị Minh Hồng |      | 1948 | 271 844 174 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2569 | Huỳnh Thị Ngọc Dung |      | 1948 | 270 013 183 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2570 | Khiếu Hân Sơn       | 1952 |      | 271 461 221 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2571 | Khiếu Hưu Tường     | 1948 |      | 272 247 540 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2572 | Lâm Văn Thường      | 1950 |      | 271 712 760 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2573 | Lăng Ngọc Anh       | 1960 |      | 270 856 319 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2574 | Lê Cảnh Bái         | 1950 |      | 270 378 731 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2575 | Lê Đình Bình        | 1953 |      | 270 930 626 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2576 | Lê Hoài Nam         | 1963 |      | 272 319 202 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2577 | Lê Thị Chấn         | 1946 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2578 | Lê Thị Huệ          | 1947 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2579 | Lê Thị Năm          |      | 1956 | 271 657 293 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2580 | Lê Thị Thành        |      | 1953 | 270 005 165 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2581 | Lê Thương Đình      | 1925 |      | 250 479 038 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2582 | Lê Trọng Ký         | 1958 |      | 271 844 050 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2583 | Lê Tùng Sơn         | 1945 |      | 271 730 207 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2584 | Lê Văn Công         | 1943 |      | 270 008 525 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2585 | Lê Văn Liên         | 1950 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2586 | Lê Văn Tân          | 1954 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2587 | Lê Văn Thiệu        | 1935 |      | 271 554 599 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2588 | Lê Vĩnh Sâm         | 1929 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2589 | Lê Xuân Ngân        | 1955 |      | 271 445 570 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2590 | Lý Ngọc Khánh       | 1945 |      | 271 343 098 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2591 | Ngô Hưng            | 1944 |      | 272 184 382 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2592 | Ngô Văn Bình        | 1959 |      | 272 359 913 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2593 | Nguyễn Cao Thắng    | 1950 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2594 | Nguyễn Châu Đức     | 1958 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2595 | Nguyễn Công Tâm     | 1940 |      | 272 794 849 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2596 | Nguyễn Đình Quý     | 1951 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2597 | Nguyễn Đức Bưu      | 1955 |      | 272 144 618 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2598 | Nguyễn Đức Toàn     | 1952 |      | 272 399 037 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2599 | Nguyễn Duy Cẩn      | 1956 |      | 271 468 783 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2600 | Nguyễn Duy Kỳ       | 1953 |      | 271 293 703 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2601 | Nguyễn Duy Tân      | 1957 |      | 272 269 110 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2602 | Nguyễn Duy Thắng    | 1954 |      | 270 729 316 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2603 | Nguyễn Hùng Đào     | 1945 |      | 272 095 397 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2604 | Nguyễn Hữu Kiệt     | 1955 |      | 271 754 692 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2605 | Nguyễn Hữu Tích     | 1937 |      | 271 514 235 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2606 | Nguyễn Huy Nghệ     | 1953 |      | 271 537 688 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |             |              |             |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|-------------|--------------|-------------|--|-----------|--|--|
| 2607 | Nguyễn Huy Quỳn      | 1949 |      | 271 630 653 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2608 | Nguyễn Mạnh Đức      | 1947 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2609 | Nguyễn Minh Hướng    | 1957 |      | 270 783 021 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2610 | Nguyễn Minh Thạch    | 1957 |      | 271 657 350 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2611 | Nguyễn Nam Phong     | 1957 |      | 024 998 255 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2612 | Nguyễn Ngọc Lan      | 1947 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2613 | Nguyễn Quang Hùng    | 1954 |      | 272 238 527 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2614 | Nguyễn Quốc Hoàn     | 1945 |      | 270 808 939 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2615 | Nguyễn Sỹ Quân       | 1963 |      | 272 376 973 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2616 | Nguyễn Thanh Bình    | 1950 |      | 270 007 232 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2617 | Nguyễn Thanh Bình    | 1932 |      | 5A7E50151   | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2618 | Nguyễn Thế Bình      | 1960 |      | 272 155 861 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2619 | Nguyễn Thế Hiếu      | 1934 |      | 272 448 117 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2620 | Nguyễn Thế Quỳn      | 1955 |      | 272 387 908 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2621 | Nguyễn Thị Dung      |      | 1947 | 79147001168 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2622 | Nguyễn Thị Hoa       |      | 1931 | 270 640 377 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2623 | Nguyễn Thị Huệ       |      | 1945 | 272 040 852 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2624 | Nguyễn Thị Mỹ Nhung  |      | 1953 |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2625 | Nguyễn Thị Nam       |      | 1949 | 272 648 580 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2626 | Nguyễn Thị Ngọc Bích |      | 1957 | 271 965 992 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2627 | Nguyễn Thị Phước Lan |      | 1951 | 271 594 488 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2628 | Nguyễn Thị Vân       |      | 1952 | 272 118 335 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2629 | Nguyễn Trọng Hiền    | 1953 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2630 | Nguyễn Tường Minh    | 1953 |      | 271 862 651 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2631 | Nguyễn Văn Cáo       | 1949 |      | 272 372 900 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2632 | Nguyễn Văn Đầu       | 1950 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2633 | Nguyễn Văn Duyên     | 1947 |      | 270 000 750 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2634 | Nguyễn Văn Hùng      | 1960 |      | 271 317 022 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2635 | Nguyễn Văn Lơ        | 1949 |      | 270 930 667 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2636 | Nguyễn Văn Rân       | 1945 |      | 270 008 543 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2637 | Nguyễn Văn Thành     | 1956 |      | 272 270 785 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2638 | Nguyễn Văn Tường     | 1960 |      | 271 267 791 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2639 | Nguyễn Văn Việt      | 1958 |      | 272 287 747 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2640 | Nguyễn Văn Vinh      | 1964 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2641 | Nguyễn Xuân Dân      | 1950 |      | 270 022 603 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2642 | Nguyễn Xuân Mỹ       | 1952 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2643 | Nguyễn Xuân Tài      | 1956 |      | 271 724 816 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2644 | Nguyễn Xuân Thái     | 1947 |      | 270 003 262 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2645 | Nguyễn Xuân Toàn     | 1947 |      | 271 645 507 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2646 | Phạm Công Vinh       | 1947 |      | 271 306 055 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2647 | Phạm Đình Cẩm        | 1953 |      |             | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2648 | Phạm Đức Hòa         | 1954 |      | 271 379 995 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2649 | Phạm Duy Hình        | 1943 |      | 271 583 089 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2650 | Phạm Hồng Lưu        | 1949 |      | 271 754 072 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2651 | Phạm Khắc Chính      | 1934 |      | 270 586 998 | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |  |              |             |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|--|--------------|-------------|--|-----------|--|--|
| 2652 | Phạm Khắc Nguyên     | 1959 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2653 | Phạm Ngọc Đại        | 1950 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2654 | Phạm Văn Hoà         | 1959 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2655 | Phạm Văn Vĩnh        | 1954 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2656 | Phạm Xuân Chương     | 1958 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2657 | Phạm Thái Bình       | 1949 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2658 | Phạm Thị Súc         |      | 1948 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2659 | Phạm Thị Thư         |      | 1953 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2660 | Phạm Văn Đình        | 1960 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2661 | Phùng Xuân Tiú       | 1950 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2662 | Quách Văn Hòa        | 1963 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2663 | Quách Văn Tương      | 1942 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2664 | Tạ Văn Cửu           | 1942 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2665 | Thái Văn Thành       | 1953 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2666 | Trần Đức Toàn        | 1942 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2667 | Trần Hữu Phúc        | 1956 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2668 | Trần Hữu Xà          | 1952 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2669 | Trần Huy Toàn        | 1948 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2670 | Trần Kim Sang        |      | 1959 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2671 | Trần Mạnh Hùng       | 1959 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2672 | Trần Minh Chấy       | 1958 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2673 | Trần Ngọc Diệp       |      | 1944 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2674 | Trần Quang Khiển     | 1951 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2675 | Trần Quang Tùng-1960 | 1960 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2676 | Trần Thị Kim         |      | 1939 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2677 | Trần Thị Kim Liên    |      | 1951 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2678 | Trần Thị Ré          |      | 1935 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2679 | Trần Văn Lân         | 1954 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2680 | Trần Văn Ngân        | 1951 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2681 | Trần Văn Tâm         | 1955 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2682 | Trần Xuân Lân        | 1958 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2683 | Trần Xuân Thi        | 1963 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2684 | Trịnh Đình Từ        | 1962 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2685 | Trương Bá Lưu        | 1965 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2686 | Trương Công Uy       | 1951 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2687 | Trương Văn Liêm      | 1939 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2688 | Từ Thị Mai Hạnh      |      | 1945 |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2689 | Võ Phi Long          | 1938 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2690 | Võ Văn Hòa           | 1948 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2691 | Vũ Đình Hải          | 1937 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2692 | Vũ Đức Đan           | 1952 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2693 | Vũ Đức Thắng         | 1947 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2694 | Vũ Duy Phương        | 1966 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2695 | Vũ Ngọc Bốn          | 1947 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |
| 2696 | Vũ Ngọc Nhẫn         | 1949 |      |  | P. Tân Phong | Thương binh |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                     |      |  |             |              |                              |  |           |  |  |
|------|---------------------|------|--|-------------|--------------|------------------------------|--|-----------|--|--|
| 2697 | Vũ Quang Thái       | 1954 |  | 271 645 672 | P. Tân Phong | Thương binh                  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2698 | Vũ Thị Hồng Tơ      | 1947 |  | 271 837 498 | P. Tân Phong | Thương binh                  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2699 | Vũ Trọng Khanh      | 1952 |  | 272 140 812 | P. Tân Phong | Thương binh                  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2700 | Vũ Trọng Mạnh       | 1954 |  | 271 657 908 | P. Tân Phong | Thương binh                  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2701 | Vũ Việt Bắc         | 1952 |  | 271 385 468 | P. Tân Phong | Thương binh                  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2702 | Vương Khả Toàn      | 1947 |  | 270 624 248 | P. Tân Phong | Thương binh                  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2703 | Bùi Văn Hùng        | 1967 |  | 271 557 963 | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2704 | Chu Thanh Minh      | 1966 |  | 272 259 934 | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2705 | Đông Văn Bình       | 1955 |  | 271 497 695 | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2706 | Nguyễn Duy Hy       | 1934 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2707 | Nguyễn Phú          | 1955 |  | 271 021 951 | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2708 | Phạm Văn Cường      | 1958 |  | 271 395 310 | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2709 | Phan Thị Thanh Thảo | 1954 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2710 | Trần Văn Dũng       | 1964 |  | 272 184 369 | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2711 | Vũ Tân Nghiệp       | 1959 |  | 272 178 246 | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2712 | Vũ Đức Tiến         | 1950 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh B                |  | 1.500.000 |  |  |
| 2713 | Phạm Duy Thông      | 1952 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh B, Bêth binh     |  | 1.500.000 |  |  |
| 2714 | Nguyễn Văn Thuyết   | 1953 |  | 270 010 131 | P. Tân Phong | Thương binh B, CDHH          |  | 1.500.000 |  |  |
| 2715 | Phạm Hạnh Phúc      | 1947 |  | 272 698 755 | P. Tân Phong | Thương binh, AHLL.VT         |  | 1.500.000 |  |  |
| 2716 | Bùi Văn Đoàn        | 1955 |  | 271 435 190 | P. Tân Phong | Thương binh, BB              |  | 1.500.000 |  |  |
| 2717 | Lưu Trung Tường     | 1942 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh, BB              |  | 1.500.000 |  |  |
| 2718 | Phạm Văn Thông      | 1950 |  | 270 783 156 | P. Tân Phong | Thương binh, BB, CDHH        |  | 1.500.000 |  |  |
| 2719 | Trần Song Thao      | 1949 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh, Bêth binh       |  | 1.500.000 |  |  |
| 2720 | Vũ Thị Hương        | 1950 |  | 270 870 360 | P. Tân Phong | Thương binh, Bêth binh, CDHH |  | 1.500.000 |  |  |
| 2721 | Bùi Nam Trung       | 1937 |  | 272 666 553 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2722 | Bùi Thị Thu         | 1945 |  | 271 594 487 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2723 | Cao Xuân Sinh       | 1950 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2724 | Đào Đức Tư          | 1947 |  | 271 537 206 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2725 | Đỗ Đăng Tước        | 1946 |  | 270 579 661 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2726 | Hoàng Trung Hậu     | 1949 |  | 271 737 222 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2727 | Huyền Thị Liên      | 1950 |  | 271 712 761 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2728 | Huyền Thị Ngọc Loan | 1948 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2729 | Lê Hữu Phúc         | 1954 |  | 270 607 387 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2730 | Lê Thị Chín         | 1949 |  | 271 914 126 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2731 | Lê Thị Diệu         | 1950 |  | 270 640 046 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2732 | Lê Thị Mỹ Hạnh      | 1948 |  | 271 802 675 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2733 | Ngô Quang Lăng      | 1949 |  | 272 970 782 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2734 | Nguyễn Đức Vương    | 1952 |  | 271 306 931 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2735 | Nguyễn Duy Biên     | 1954 |  |             | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2736 | Nguyễn Minh Phúc    | 1949 |  | 271 921 159 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2737 | Nguyễn Ngọc Tinh    | 1952 |  | 271 461 892 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2738 | Nguyễn Sỹ Thinh     | 1950 |  | 272 794 872 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2739 | Nguyễn Thanh Hồng   | 1942 |  | 270 624 249 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |
| 2740 | Nguyễn Thị Yên      | 1955 |  | 271 594 375 | P. Tân Phong | Thương binh, CDHH            |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                       |      |             |              |                              |  |  |           |  |                       |
|------|-----------------------|------|-------------|--------------|------------------------------|--|--|-----------|--|-----------------------|
| 2741 | Nguyễn Tiến Dũng      | 1953 |             | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2742 | Nguyễn Trung Nghĩa    | 1944 |             | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2743 | Nguyễn Trung Thiêm    | 1947 |             | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2744 | Nguyễn Văn Hiếu       | 1948 | 271 921 734 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2745 | Nguyễn Văn Hòa        | 1953 |             | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2746 | Nguyễn Văn Tàu        | 1940 |             | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2747 | Nguyễn Văn Xuân       | 1947 | 272 378 880 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2748 | Nguyễn Xuân Hiệp      | 1950 | 271 511 428 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2749 | Nguyễn Xuân Miến      | 1949 | 272 205 548 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2750 | Phạm Bá Bình          | 1950 | 270 000 592 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2751 | Phạm Thừa             | 1940 | 270 624 269 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2752 | Phạm Văn Hòa          | 1945 | 271 461 224 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  | Chiết<br>tháng 4/2020 |
| 2753 | Phạm Văn Mơ           | 1950 | 270 014 231 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 500.000   |  |                       |
| 2754 | Phạm Cẩm Lông         | 1943 | 272 507 566 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2755 | Phạm Đình Tới         | 1942 | 272 637 257 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2756 | Phạm Hiếu Tân         | 1935 | 271 594 374 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2757 | Phạm Tiến Đức         | 1954 | 271 490 516 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2758 | Tô Đình Vương         | 1955 | 271 622 015 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2759 | Trần Quốc Khánh       | 1951 | 271 691 764 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2760 | Trần Văn Toàn         | 1946 | 271 611 582 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2761 | Trần Xuân Thu         | 1953 | 270 907 957 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2762 | Vũ Thanh Bình         | 1955 |             | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2763 | Vũ Việt Nhật          | 1942 | 270 640 442 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2764 | Lưu Doãn Tuấn         | 1952 |             | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH, QĐ 142    |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2765 | Trần Mạnh Đồng        | 1954 | 271 668 458 | P. Tân Phong | Thương bình, CDHH, QĐ 142    |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2766 | Tiết Đăng Khoa        | 1954 | 271 390 050 | P. Tân Phong | Thương bình, QĐ 142          |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2767 | Lê Mạnh Quế           | 1956 | 271 436 890 | P. Tân Phong | Thương bình, QĐ 142          |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2768 | Nguyễn Đình Tài       | 1952 |             | P. Tân Phong | Thương bình, QĐ 142          |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2769 | Phạm Bích Thục        | 1957 | 271 594 489 | P. Tân Phong | Thương bình, QĐ 142          |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2770 | Phạm Văn Phong        | 1954 | 271 362 635 | P. Tân Phong | Thương bình, QĐ 142          |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2771 | Ngô Thị Minh Thu      | 1952 |             | P. Tân Phong | Thương bình, Từ đây          |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2772 | Nguyễn Thị Hồng Thanh | 1949 | 220 068 045 | P. Tân Phong | Thương bình, Từ đây          |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2773 | Trần Thị Hòa          | 1947 |             | P. Tân Phong | Thương bình, Từ đây, CDHH    |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2774 | Nguyễn Thị Liên       | 1941 |             | P. Tân Phong | Thương bình, Từ đây, Tuất LS |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2775 | Tướng Thế Hùng        | 1937 | 270 860 999 | P. Tân Phong | Thương bình, Tuất LS         |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2776 | Nguyễn Thị Hằng       | 1932 |             | P. Tân Phong | Từ đây                       |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2777 | Đỗ Thị Ngọt           | 1957 |             | P. Tân Phong | Tuất BB                      |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2778 | Trần Thị Xoàng        | 1954 | 140 046 162 | P. Tân Phong | Tuất BB                      |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2779 | Chu Thị Minh Sáng     | 1955 |             | P. Tân Phong | Tuất CDHH                    |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2780 | Phan Thị Đẹp          | 1951 |             | P. Tân Phong | Tuất CDHH                    |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2781 | Trần Thị Tinh         | 1949 |             | P. Tân Phong | Tuất CDHH                    |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2782 | Lâm Thị Mậu           | 1954 | 272 334 733 | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ                 |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2783 | Lê Thị Huệ            | 1921 |             | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ                 |  |  | 1.500.000 |  |                       |
| 2784 | Nguyễn Thị Ái         | 1942 | 270 099 191 | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ                 |  |  | 1.500.000 |  |                       |



|      |                       |      |      |             |              |                 |                          |             |  |  |
|------|-----------------------|------|------|-------------|--------------|-----------------|--------------------------|-------------|--|--|
| 2785 | Nguyễn Thị Kế         |      | 1938 | 170 756 832 | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2786 | Nguyễn Thị Luyện      |      | 1938 | 170 560 803 | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2787 | Nguyễn Thị Nghệ       |      | 1939 |             | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2788 | Nguyễn Thị Thê        |      | 1943 | 272 009 116 | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2789 | Nguyễn Văn Thọ        | 1944 |      | 270 099 190 | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2790 | Phạm Thị Mai          |      | 1932 |             | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2791 | Phùng Thị Tâm         |      | 1942 | 272 169 356 | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2792 | Vũ Thị Lan            |      | 1941 |             | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2793 | Vũ Thị Ngọc           |      | 1949 |             | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2794 | Vũ Thị Phụng          |      | 1932 |             | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2795 | Vũ Thị Thơm           |      | 1930 |             | P. Tân Phong | Tuất liệt sỹ    |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2796 | Nguyễn Thị Minh Lý    |      | 1940 |             | P. Tân Phong | Tuất LTCM       |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2797 | Vũ Thị Tuyết          |      | 1958 |             | P. Tân Phong | Tuất TB         |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2798 | Lê Văn Đình           | 1947 |      | 272 009 404 | P. Tân Phong | TB mất sức      |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2799 | Lê Xuân Đỗ            | 1957 |      |             | P. Tân Phong | TB mất sức      |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2800 | Phạm Thiệu Chinh      | 1954 |      | 34054004288 | P. Tân Phong | TB mất sức      |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2801 | Vũ Hồng Mạo           | 1955 |      | 271 685 317 | P. Tân Phong | TB mất sức      |                          | 1.500.000   |  |  |
|      | Tổng: 356 người       |      |      |             |              |                 |                          | 533.000.000 |  |  |
| XXV  | PHUÔNG TÂN TIẾN       |      |      |             |              |                 |                          |             |  |  |
| 2802 | Nguyễn Thị Mùi        |      | 1922 | 270263063   | P. Tân Tiến  | Bà Mẹ VNAH      | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000   |  |  |
| 2803 | Đỗ Thị Mai            |      | 1949 | 271904125   | P. Tân Tiến  | Bệnh binh       |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2804 | Nguyễn Thị Hoa        |      | 1943 | 270101183   | P. Tân Tiến  | Bệnh binh       |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2805 | Trần Quang Ngọc       | 1957 |      | 271420591   | P. Tân Tiến  | Bệnh binh       |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2806 | Trần Thị Nền          |      | 1950 | 270090671   | P. Tân Tiến  | Bệnh binh       |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2807 | Trương Đăng Quyền     | 1957 |      | 271489146   | P. Tân Tiến  | Bệnh binh       |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2808 | Đỗ Văn Bổng           | 1950 |      | 270695345   | P. Tân Tiến  | Bệnh binh, CDHH |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2809 | Nguyễn Thị Thanh Xuân |      | 1949 | 271445863   | P. Tân Tiến  | Bệnh binh, CDHH |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2810 | Phan Thị Suong        |      | 1940 | 270721805   | P. Tân Tiến  | CCCM            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2811 | Chu Quốc Tân          | 1952 |      | 270729278   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2812 | Dương Thị Mùi         |      | 1943 | 270007043   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2813 | Dương Xuân Trường     | 1943 |      | 271949846   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2814 | Lê Đăng Dưa           | 1957 |      | 270856766   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2815 | Lê Minh Nông          | 1953 |      | 270640035   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2816 | Lê Thiê Nhung         | 1956 |      | 270930220   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2817 | Lê Văn Sào            | 1947 |      | 271752181   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2818 | Ngô Xuân Lùng         | 1952 |      | 271788335   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2819 | Nguyễn Thị Mai        |      | 1945 | 270062550   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2820 | Nguyễn Thị Ngọc Bảy   |      | 1950 | 270000603   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2821 | Nguyễn Văn Lìn        | 1948 |      | 271062455   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2822 | Phạm Thị Anh Tân      |      | 1945 | 270013826   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |
| 2823 | Phan Thanh Chức       | 1943 |      | 270008849   | P. Tân Tiến  | CDHH            |                          | 1.500.000   |  |  |



|      |                    |      |      |           |             |               |  |                          |           |  |  |
|------|--------------------|------|------|-----------|-------------|---------------|--|--------------------------|-----------|--|--|
| 2824 | Quách Ngọc Quang   | 1936 |      | 270007915 | P. Tân Tiến | CDHH          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2825 | Trần Ngọc Mỹ       | 1936 |      | 270586494 | P. Tân Tiến | CDHH          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2826 | Trần Trọng Lợi     | 1952 |      | 270808136 | P. Tân Tiến | CDHH          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2827 | Trần Việt Hải      | 1952 |      | 270867142 | P. Tân Tiến | CDHH          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2828 | Võ Thị Thu Vân     |      | 1956 | 270742586 | P. Tân Tiến | CDHH          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2829 | Hồ Nam Phong       | 1977 |      |           | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2830 | Lê Thị Mai Trinh   |      | 1970 | 272203047 | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2831 | Lê Trần Minh Thái  | 1984 |      | 271760764 | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2832 | Ngô Võ Anh Kiệt    | 1979 |      |           | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2833 | Nguyễn Thị Hải Hà  |      | 1978 | 272436683 | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2834 | Nguyễn Thị Xoa     |      | 1976 |           | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2835 | Phạm Thị Hồng Thủy |      | 1977 | 271293946 | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2836 | Phạm Nhật Huy      | 1988 |      | 271914606 | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2837 | Quách Thị Mỹ Tiên  |      | 1983 | 271517082 | P. Tân Tiến | CDHH GT       |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2838 | Dương Kim Liên     |      | 1948 | 270007353 | P. Tân Tiến | CDHH, Thuế LS |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2839 | Phạm Văn Biên      | 1933 |      | 272579738 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000 |  |  |
| 2840 | Bùi Công Khâm      | 1933 |      | 271511023 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2841 | Bùi Sỹ Loan        | 1948 |      | 270010103 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2842 | Chu Đức Phong      | 1948 |      | 270007248 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2843 | Chu Hoàng Thanh    | 1963 |      | 271946550 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2844 | Đỗ Xuân Phương     | 1946 |      | 270602384 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2845 | Đoàn Duy Hưng      | 1960 |      | 270747411 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2846 | Hồ Xuân Tình       | 1954 |      | 270012103 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2847 | Hoàng Ngọc Tánh    | 1950 |      | 270712591 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2848 | Lê Danh Quân       | 1947 |      | 270729381 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2849 | Lê Đình Tài        | 1950 |      | 270602419 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2850 | Lê Minh Tuấn       | 1939 |      | 272463184 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2851 | Lê Nam Quý         | 1956 |      | 270856448 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2852 | Lê Thị Hồng Châu   |      | 1950 | 271990717 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2853 | Lê Văn Chấn        | 1941 |      | 271242757 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2854 | Lê Xuân Bình       | 1954 |      | 271691901 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2855 | Lương Đức Chi      | 1951 |      | 270119493 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2856 | Lưu Văn Minh       | 1954 |      | 271490211 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2857 | Lý Chon Từ         | 1937 |      | 271183137 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2858 | Mai Xuân Long      | 1967 |      | 270695182 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2859 | Nguyễn Bá Hùng     | 1950 |      | 271091962 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2860 | Nguyễn Danh Mậu    | 1949 |      | 270008663 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2861 | Nguyễn Kịch        | 1948 |      | 271802301 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2862 | Nguyễn Ngọc Diệp   | 1952 |      | 271989139 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2863 | Nguyễn Thái Hùng   | 1952 |      | 271021953 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2864 | Nguyễn Thành Chung | 1959 |      | 272079325 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 2865 | Nguyễn Thanh Giang | 1948 |      | 270007215 | P. Tân Tiến | Thương binh   |  |                          | 1.500.000 |  |  |



|      |                    |      |      |           |             |                        |  |  |           |  |  |
|------|--------------------|------|------|-----------|-------------|------------------------|--|--|-----------|--|--|
| 2866 | Nguyễn Thanh Nga   | 1942 |      | 270011587 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2867 | Nguyễn Thị Nghi    |      | 1944 | 270007054 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2868 | Nguyễn Văn Chí     | 1950 |      | 270011629 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2869 | Nguyễn Văn Toàn    | 1954 |      | 270504994 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2870 | Nguyễn Văn Văn     | 1958 |      | 272050403 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2871 | Nguyễn Xuân Lưu    | 1940 |      | 271844239 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2872 | Nguyễn Xuân Từ     | 1942 |      | 271420927 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2873 | Phạm Khắc Khoan    | 1944 |      | 272330735 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2874 | Phạm Mạnh Đoàn     | 1962 |      | 270930451 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2875 | Phạm Ngọc Đông     | 1950 |      | 271913183 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2876 | Phạm Thanh Văn     | 1950 |      | 270856487 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2877 | Phạm Văn Bảy       | 1949 |      | 270008757 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2878 | Phạm Văn Dũng      | 1947 |      | 270118099 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2879 | Phạm Văn Việt      | 1955 |      | 270856688 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2880 | Phạm Văn Xinh      | 1930 |      | 270013847 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2881 | Phạm Trọng Thảo    | 1941 |      | 271904403 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2882 | Phạm Trung Hồng    | 1936 |      | 271474419 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2883 | Phạm Văn Nữ        | 1959 |      | 270602032 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2884 | Trần Đức Lâm       | 1960 |      | 271183891 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2885 | Trần Thế Kỳ        | 1956 |      | 270000136 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2886 | Trần Thị Tố Như    |      | 1958 | 270742242 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2887 | Trần Trúc Lâm      | 1949 |      | 270729027 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2888 | Trần Văn Sáu       | 1937 |      | 270870128 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2889 | Trần Văn Thái      | 1955 |      | 272040138 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2890 | Trần Việt Cường    | 1957 |      | 271207445 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2891 | Trần Thị Bích Đăng |      | 1945 | 271511063 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2892 | Tường Duy Ý        | 1939 |      | 250768498 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2893 | Võ Quang Liên      | 1940 |      | 271476206 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2894 | Vũ Ánh Dương       | 1960 |      | 272205293 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2895 | Vũ Quang Thái      | 1956 |      | 271432091 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2896 | Vy Thị Lý          |      | 1953 | 270119257 | P. Tân Tiến | Thương binh            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2897 | Hoàng Minh Vũ      | 1968 |      | 270782405 | P. Tân Tiến | Thương binh B          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2898 | Nguyễn Văn Bình    | 1955 |      | 80360676  | P. Tân Tiến | Thương binh, Bệnh binh |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2899 | Phạm Văn Định      | 1947 |      | 272507556 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2900 | Bùi Quốc Bốn       | 1950 |      | 270090342 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2901 | Đinh Xuân Bắp      | 1949 |      | 030670493 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2902 | Hồ Văn Báu         | 1945 |      | 271062863 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2903 | Lê Quang Thọ       | 1947 |      | 270010946 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2904 | Nguyễn Kim Đông    | 1948 |      | 272477321 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2905 | Nguyễn Như Quát    | 1950 |      | 270713367 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2906 | Nguyễn Tấn Vương   | 1946 |      | 270012499 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2907 | Nguyễn Thanh Khang | 1947 |      | 270013636 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2908 | Nguyễn Văn A       | 1937 |      | 272019893 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2909 | Nguyễn Văn Hiền    | 1949 |      | 270062412 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 2910 | Nguyễn Văn Tài     | 1953 |      | 272417842 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH      |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                     |      |      |           |             |                              |                          |  |             |  |  |
|------|---------------------|------|------|-----------|-------------|------------------------------|--------------------------|--|-------------|--|--|
| 2911 | Nguyễn Văn Xá       | 1950 |      | 272178085 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH            |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2912 | Trần Anh Đức        | 1944 |      | 270013634 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH            |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2913 | Trần Văn Tý         | 1949 |      |           | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH            |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2914 | Nguyễn Thị Xuân Đây |      | 1943 | 270641491 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH, Bệnh binh |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2915 | Trần Văn Cao        | 1938 |      | 271327383 | P. Tân Tiến | Thương binh, CDHH, Bệnh binh | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |
| 2916 | Lê Thanh An         | 1942 |      | 272122684 | P. Tân Tiến | Thương binh, QĐ 142          |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2917 | Đào Minh Quyền      | 1938 |      | 270016118 | P. Tân Tiến | Thương binh, tù đầy          |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2918 | Huỳnh Thị Ngân      |      | 1933 | 270640019 | P. Tân Tiến | Thương binh, tù đầy          |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2919 | Lê Thị Kim Liên     |      | 1941 | 270017312 | P. Tân Tiến | Thương binh, tù đầy          |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2920 | Phan Thị Hồng Diệp  |      | 1941 | 270111238 | P. Tân Tiến | Thương binh, Tuất CDHH       |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2921 | Huỳnh Thị Nghĩa     |      | 1955 | 270713916 | P. Tân Tiến | Tù đầy                       |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2922 | Lê Thanh Hải        | 1942 |      | 270217614 | P. Tân Tiến | Tù đầy, CDHH                 |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2923 | Lương Thị Toan      |      | 1940 | 270263185 | P. Tân Tiến | Tuất BB                      | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |
| 2924 | Nguyễn Thanh Tân    | 1947 |      | 271560964 | P. Tân Tiến | Tuất BB                      |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2925 | Lê Thị Liêng        |      | 1942 | 270010863 | P. Tân Tiến | Tuất CDHH                    |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2926 | Trần Thị Quên       |      | 1938 | 272222909 | P. Tân Tiến | Tuất liệt sỹ                 | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |
| 2927 | Huỳnh Thị Kim Cúc   |      | 1932 |           | P. Tân Tiến | Tuất liệt sỹ                 |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2928 | Nguyễn Thị Bông     |      | 1941 |           | P. Tân Tiến | Tuất liệt sỹ                 |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2929 | Nguyễn Thị Hòa      |      | 1940 |           | P. Tân Tiến | Tuất liệt sỹ                 |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2930 | Đặng Văn Lã         | 1937 |      | 270090941 | P. Tân Tiến | Tuất liệt sỹ                 | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |
| 2931 | Đỗ Thị Thảo         |      | 1927 |           | P. Tân Tiến | Tuất liệt sỹ                 | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |
| 2932 | Lâm Thị Sách        |      | 1929 |           | P. Tân Tiến | Tuất liệt sỹ                 | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |
| 2933 | Nguyễn Thị Quỳên    |      | 1939 | 270090152 | P. Tân Tiến | Tuất TB                      | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |
| 2934 | Nguyễn Thị Thanh Hà |      | 1967 | 271062346 | P. Tân Tiến | Tuất TB                      |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2935 | Phạm Thị Tuyết      |      | 1955 | 272201027 | P. Tân Tiến | Tuất TB                      |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2936 | Cần Văn Duyên       | 1954 |      | 272079693 | P. Tân Tiến | TB mất sức                   |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2937 | Hà Quỳết Chiến      | 1954 |      |           | P. Tân Tiến | TB mất sức                   |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2938 | Nhâm Văn Riễn       | 1952 |      | 270624669 | P. Tân Tiến | TB mất sức                   |                          |  | 1.500.000   |  |  |
| 2939 | Phạm Đức Hải        | 1950 |      | 270010182 | P. Tân Tiến | TB mất sức                   |                          |  | 1.500.000   |  |  |
|      | Tổng: 138 người     |      |      |           |             |                              |                          |  | 207.000.000 |  |  |
| XXVI | PHUÔNG TÂN VẠN      |      |      |           |             |                              |                          |  |             |  |  |
| 2940 | Bùi Văn Tơ          | 1931 |      | 270148842 | P. Tân Vạn  | CCCM                         | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000   |  |  |



|                                |                       |      |      |           |               |                     |  |                                |                   |  |  |
|--------------------------------|-----------------------|------|------|-----------|---------------|---------------------|--|--------------------------------|-------------------|--|--|
| 2941                           | Lâm Văn Tâm           | 1943 |      | 270148125 | P. Tân Vạn    | CCCM                |  | BTXH<br>(Người khuyết tật đbn) | 1.500.000         |  |  |
| 2942                           | Nguyễn Thị Tư         |      | 1937 | 270148283 | P. Tân Vạn    | CCCM                |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2943                           | Phạm Thị Quý          |      | 1953 | 270048312 | P. Tân Vạn    | CCCM                |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2944                           | Phạm Văn Cưng         | 1927 |      | 270148174 | P. Tân Vạn    | CCCM                |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2945                           | Phạm Văn Cừu          | 1937 |      | 270125958 | P. Tân Vạn    | CCCM                |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2946                           | Tân Thị Đường         |      | 1941 | 270048254 | P. Tân Vạn    | CCCM                |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2947                           | Võ Thị Ba             |      | 1939 | 270124644 | P. Tân Vạn    | CCCM                |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2948                           | Lê Thị Âu             |      | 1993 | 272455475 | P. Tân Vạn    | CDHH GT             |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2949                           | Lê Văn Phiên          | 1946 |      | 270125036 | P. Tân Vạn    | CDHH                |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2950                           | Châu Văn Phìn         | 1965 |      |           | P. Tân Vạn    | Thương binh         |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2951                           | Nguyễn Ngọc Hường     | 1960 |      |           | P. Tân Vạn    | Thương binh         |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2952                           | Nguyễn Thị Ánh Ngọc   |      | 1940 | 271789577 | P. Tân Vạn    | Thương binh         |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2953                           | Nguyễn Văn Đán        | 1945 |      | 271142811 | P. Tân Vạn    | Thương binh         |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2954                           | Phạm Minh Hùng        | 1963 |      |           | P. Tân Vạn    | Thương binh         |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2955                           | Lê Văn Tia            | 1940 |      | 270602462 | P. Tân Vạn    | Thương binh, CDHH   |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2956                           | Nguyễn Văn Long       | 1946 |      | 27038404  | P. Tân Vạn    | Thương binh, CDHH   |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2957                           | Trần Văn Ngọc         | 1943 |      | 270075920 | P. Tân Vạn    | Thương binh, Từ dầy |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2958                           | Trần Văn Tâm          | 1952 |      | k có cmnd | P. Tân Vạn    | Từ dầy              |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2959                           | Đoàn Thị Sra          |      | 1940 | 270148402 | P. Tân Vạn    | Tuất liệt sỹ        |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2960                           | Huỳnh Thị Ba          |      | 1948 | 270040493 | P. Tân Vạn    | Tuất liệt sỹ        |  | BTXH                           | 1.500.000         |  |  |
| 2961                           | Huỳnh Thị Véch        |      | 1930 | 270526657 | P. Tân Vạn    | Tuất liệt sỹ        |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2962                           | Kiều Thị Hồng Vinh    |      | 1936 | 270125481 | P. Tân Vạn    | Tuất liệt sỹ        |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2963                           | Lê Thị Thắm           |      | 1950 | 272268525 | P. Tân Vạn    | Tuất LS, CCCM       |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2964                           | Trần Thị Châu         |      | 1936 | 270148203 | P. Tân Vạn    | Tuất LS, CCCM       |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000         |  |  |
| 2965                           | Nguyễn Thị Loan       |      | 1953 | 271571088 | P. Tân Vạn    | Tuất TB             |  |                                | 1.500.000         |  |  |
|                                | <b>Tổng: 26 người</b> |      |      |           |               |                     |  |                                | <b>39.000.000</b> |  |  |
| <b>XXVII PHUƠNG THÔNG NHẤT</b> |                       |      |      |           |               |                     |  |                                |                   |  |  |
| 2966                           | Bạch Thu Cúc          |      | 1937 |           | P. Thống Nhất | CCCM                |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2967                           | Bùi Quang Vinh        | 1952 |      | 270041732 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2968                           | Bùi Xuân Nam          | 1932 |      | 270059325 | P. Thống Nhất | Từ dầy              |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2969                           | Châu Thị Em           |      | 1955 | 270092878 | P. Thống Nhất | Từ dầy              |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2970                           | Đặng Thị Thuý Hằng    |      | 1979 |           | P. Thống Nhất | CDHH GT             |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2971                           | Đặng Xứ               | 1926 |      | 270013170 | P. Thống Nhất | CDHH                |  |                                | 1.500.000         |  |  |
| 2972                           | Đào Thị Đăng          |      | 1937 | 270093108 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  |                                | 1.500.000         |  |  |



|      |                   |      |      |           |               |                     |  |           |  |
|------|-------------------|------|------|-----------|---------------|---------------------|--|-----------|--|
| 2973 | Đinh Thị Bồn      |      | 1944 | 270117240 | P. Thống Nhất | Thương binh, Từ đầy |  | 1.500.000 |  |
| 2974 | Đỗ Thị Nết        |      | 1936 |           | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  | 1.500.000 |  |
| 2975 | Đỗ Trung Tín      | 1952 |      | 271442461 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2976 | Dương Thanh Bình  | 1952 |      | 270001015 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2977 | Dương Thành Lập   | 1950 |      | 270366681 | P. Thống Nhất | CDHH                |  | 1.500.000 |  |
| 2978 | Dương Văn Giai    | 1957 |      | 270859766 | P. Thống Nhất | Thương binh B       |  | 1.500.000 |  |
| 2979 | Dương Văn Ngọc    | 1930 |      | 270102056 | P. Thống Nhất | Thương binh, Từ đầy |  | 1.500.000 |  |
| 2980 | Dương Văn Tốt     | 1953 |      | 270672514 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2981 | Hà Minh Thọ       | 1949 |      | 270907794 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2982 | Hồ Thị Kim Phương |      | 1950 | 270002121 | P. Thống Nhất | CDHH                |  | 1.500.000 |  |
| 2983 | Hoàng Anh Thúc    | 1952 |      | 270022171 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2984 | Hoàng Ngân Sơn    | 1985 |      | 271752709 | P. Thống Nhất | CDHH GT             |  | 1.500.000 |  |
| 2985 | Hoàng Thị Định    |      | 1956 | 270729613 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  | 1.500.000 |  |
| 2986 | Hoàng Thị Nghiêm  |      | 1940 | 271349570 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  | 1.500.000 |  |
| 2987 | Hoàng Trọng Ngân  | 1950 |      | 270039842 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  | 1.500.000 |  |
| 2988 | Hoàng Trọng Tiếp  | 1949 |      | 272040763 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2989 | Huỳnh Thị Chính   |      | 1936 |           | P. Thống Nhất | Từ đầy              |  | 1.500.000 |  |
| 2990 | Huỳnh Thị Hiền    |      | 1951 | 271777601 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2991 | Lại Bá Sự         | 1949 |      | 270039741 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2992 | Lại Thị Liêm      | 1950 |      | 270048397 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  | 1.500.000 |  |
| 2993 | Lê Công Bình      | 1954 |      | 272219308 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2994 | Lê Nguyễn Khang   | 1979 |      | 271388399 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2995 | Lê Quang Thịnh    | 1963 |      | 272372209 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 2996 | Lê Thị Chung      |      | 1948 | 270102921 | P. Thống Nhất | Bệnh binh           |  | 1.500.000 |  |
| 2997 | Lê Thị Hạnh       |      | 1981 |           | P. Thống Nhất | CDHH GT             |  | 1.500.000 |  |
| 2998 | Lê Thị Kiều       |      | 1936 | 270172462 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  | 1.500.000 |  |
| 2999 | Lê Thị Quý        |      | 1936 | 270124119 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  | 1.500.000 |  |
| 3000 | Lê Thị Thanh      |      | 1958 | 270102162 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  | 1.500.000 |  |
| 3001 | Lê Thị Tư         |      | 1929 |           | P. Thống Nhất | CCCM, Tuất LS       |  | 1.500.000 |  |
| 3002 | Lê Văn Hà         | 1942 |      | 270015470 | P. Thống Nhất | Thương binh, Từ đầy |  | 1.500.000 |  |
| 3003 | Lê Văn Ngọc Lan   |      | 1940 | 270117334 | P. Thống Nhất | Tuất BB,            |  | 1.500.000 |  |
| 3004 | Lương Thị Thảo    |      | 1945 | 270000987 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  | 1.500.000 |  |
| 3005 | Ngô Văn Đa        | 1932 |      | 270012237 | P. Thống Nhất | Từ đầy              |  | 1.500.000 |  |
| 3006 | Nguyễn Cao Hiến   | 1941 |      | 270011595 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 3007 | Nguyễn Đoàn Vinh  | 1987 |      |           | P. Thống Nhất | CDHH GT             |  | 1.500.000 |  |
| 3008 | Nguyễn Duy Cương  | 1948 |      | 270059365 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 3009 | Nguyễn Duy Tư     | 1949 |      | 270640369 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 3010 | Nguyễn Hồng Kỳ    | 1953 |      | 270930288 | P. Thống Nhất | TB B, CDHH          |  | 1.500.000 |  |
| 3011 | Nguyễn Khánh Mạo  | 1941 |      | 070008842 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  | 1.500.000 |  |
| 3012 | Nguyễn Mạnh Hà    | 1955 |      | 271979635 | P. Thống Nhất | Bệnh binh           |  | 1.500.000 |  |
| 3013 | Nguyễn Mạnh Hùng  | 1954 |      | 270742609 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  | 1.500.000 |  |
| 3014 | Nguyễn Nhất Thống | 1944 |      | 270854786 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  | 1.500.000 |  |
| 3015 | Nguyễn Như Hải    | 1956 |      | 270940604 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  | 1.500.000 |  |
| 3016 | Nguyễn Phú Khang  | 1945 |      | 271062095 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  | 1.500.000 |  |
| 3017 | Nguyễn Quốc Phú   | 1956 |      | 270015728 | P. Thống Nhất | CDHH                |  | 1.500.000 |  |



|      |                      |      |      |           |               |                     |  |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|-----------|---------------|---------------------|--|--|-----------|--|--|
| 3018 | Nguyễn Thái Bình     | 1972 |      |           | P. Thống Nhất | Tuất LTCM           |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3019 | Nguyễn Thái Học      | 1937 |      |           | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3020 | Nguyễn Thị Bảy       |      | 1932 |           | P. Thống Nhất | Tù đầy              |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3021 | Nguyễn Thị Chiểu     |      | 1919 |           | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3022 | Nguyễn Thị Hải       |      | 1935 | 270094049 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3023 | Nguyễn Thị Hoa       |      | 1965 | 271172836 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3024 | Nguyễn Thị Hồng Tim  |      | 1948 | 270059453 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3025 | Nguyễn Thị Hương     |      | 1945 | 270093085 | P. Thống Nhất | Tù đầy              |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3026 | Nguyễn Thị Kim Thuận |      | 1957 |           | P. Thống Nhất | Tuất CDHH,          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3027 | Nguyễn Thị Lan       |      | 1947 | 270854787 | P. Thống Nhất | Tù đầy              |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3028 | Nguyễn Thị Mót       |      | 1937 | 270092910 | P. Thống Nhất | CCCM                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3029 | Nguyễn Thị Nhâm      |      | 1972 | 270971178 | P. Thống Nhất | CDHH GT             |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3030 | Nguyễn Thị Nhiều     |      | 1922 | 270117543 | P. Thống Nhất | Bà Mẹ VNAH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3031 | Nguyễn Thị Phương    |      | 1953 | 270854462 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3032 | Nguyễn Thị Quý       |      | 1940 | 278859344 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3033 | Nguyễn Thị Xinh      |      | 1943 | 270117480 | P. Thống Nhất | CCCM, Tù đầy        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3034 | Nguyễn Thiện Thuật   | 1949 |      | 270002057 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3035 | Nguyễn Trọng Đình    | 1944 |      | 271282002 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3036 | Nguyễn Trung Phước   | 1969 |      | 270718720 | P. Thống Nhất | Thương binh B       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3037 | Nguyễn Văn Chin      | 1940 |      | 270062692 | P. Thống Nhất | CDHH                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3038 | Nguyễn Văn Công      | 1981 |      |           | P. Thống Nhất | CDHH GT             |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3039 | Nguyễn Văn Đổ        | 1959 |      | 270936639 | P. Thống Nhất | Thương binh B       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3040 | Nguyễn Văn Hòa       | 1957 |      |           | P. Thống Nhất | CDHH, QĐ 142        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3041 | Nguyễn Văn Hòa       | 1945 |      | 271327018 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3042 | Nguyễn Văn Lân       | 1940 |      | 272205697 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3043 | Nguyễn Văn Lê        | 1949 |      | 270742653 | P. Thống Nhất | CDHH                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3044 | Nguyễn Văn Tế        | 1952 |      | 270010144 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3045 | Nguyễn Văn Trường    | 1946 |      | 271712822 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3046 | Nguyễn Vĩnh Định     | 1939 |      | 271870751 | P. Thống Nhất | Thương binh B       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3047 | Nguyễn Xuân Đăng     | 1949 |      | 270056786 | P. Thống Nhất | TB B, CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3048 | Phạm Nguyệt Giang    | 1975 |      | 271182492 | P. Thống Nhất | CDHH GT             |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3049 | Phạm Thị Hương       |      | 1946 | 271161796 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3050 | Phạm Thị Kim Anh     |      | 1949 | 270045510 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3051 | Phạm Thị Trách       |      | 1922 | 271792260 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3052 | Phạm Thu Tâm         |      | 1936 | 270056116 | P. Thống Nhất | Thương binh, Tù đầy |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3053 | Phạm Văn Huy         | 1960 |      | 272143841 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3054 | Phạm Văn Ngất        | 1951 |      | 272436795 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3055 | Phạm Văn Trí         | 1932 |      | 270124113 | P. Thống Nhất | CCCM, Tù đầy        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3056 | Phạm Xuân Diên       | 1937 |      | 272544347 | P. Thống Nhất | CDHH                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3057 | Phan Văn Hòa         | 1951 |      | 270008682 | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3058 | Thái Tự              | 1927 |      | 181187832 | P. Thống Nhất | Thương binh         |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3059 | Thái Văn Tài         | 1956 |      | 270012351 | P. Thống Nhất | CDHH                |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3060 | Thiều Thị Thao       |      | 1935 | 024437088 | P. Thống Nhất | Tuất liệt sỹ        |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3061 | Trần Mạnh Hùng       | 1945 |      | 27288774  | P. Thống Nhất | Thương binh, CDHH   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3062 | Trần Minh Thăng      | 1960 |      | 270002044 | P. Thống Nhất | Thương binh B       |  |  | 1.500.000 |  |  |



|                                 |                        |      |      |           |               |                           |  |           |                    |  |                                          |
|---------------------------------|------------------------|------|------|-----------|---------------|---------------------------|--|-----------|--------------------|--|------------------------------------------|
| 3063                            | Trần Ngọc Thắng        | 1949 |      |           | P. Thông Nhất | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3064                            | Trần Tấn Trăn          | 1952 |      | 270008861 | P. Thông Nhất | CDHH                      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3065                            | Trần Thị Luận          |      | 1944 | 270013717 | P. Thông Nhất | Thương binh, Tù đầy       |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3066                            | Trần Thị Tâm           |      | 1932 |           | P. Thông Nhất | Tuất LTCM                 |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3067                            | Trần Thị Tinh          |      | 1956 |           | P. Thông Nhất | Bệnh binh                 |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3068                            | Trần Văn Niêm          | 1952 |      | 271690011 | P. Thông Nhất | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3069                            | Trần Văn Quý           | 1947 |      |           | P. Thông Nhất | Thương binh, CDHH, Tù đầy |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3070                            | Trần Xuân Đa           | 1947 |      | 270008813 | P. Thông Nhất | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3071                            | Trịnh Anh Dũng         | 1957 |      | 271040374 | P. Thông Nhất | Bệnh binh                 |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3072                            | Trịnh Nguyễn Khanh     | 1947 |      | 270008877 | P. Thông Nhất | Thương binh, CDHH         |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3073                            | Trịnh Thị Minh Hương   |      | 1948 | 270117795 | P. Thông Nhất | Thương binh, CDHH         |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3074                            | Trịnh Văn Bền          | 1939 |      | 270039968 | P. Thông Nhất | Thương binh, Tù đầy       |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3075                            | Trương Kiêm Lành       | 1948 |      | đi mý     | P. Thông Nhất | Tù đầy                    |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3076                            | Trương Thị Mai         |      | 1933 |           | P. Thông Nhất | Tuất liệt sỹ              |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3077                            | Võ Thị Đền             |      | 1944 | 270059541 | P. Thông Nhất | CDHH                      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3078                            | Võ Thị Lan             |      | 1956 |           | P. Thông Nhất | Tuất TB                   |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3079                            | Võ Thị Thu Hà          |      | 1946 | 270007922 | P. Thông Nhất | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3080                            | Vũ Chi Lan             |      | 1932 | 270007169 | P. Thông Nhất | Thương binh, Tuất TB      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3081                            | Vũ Đức Vinh            | 1945 |      |           | P. Thông Nhất | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
|                                 | <b>Tổng: 116 người</b> |      |      |           |               |                           |  |           | <b>174.000.000</b> |  |                                          |
| <b>XXVIII PHƯỜNG THANH BÌNH</b> |                        |      |      |           |               |                           |  |           |                    |  |                                          |
| 3082                            | Trần Thị Mỹ Huệ        |      | 1951 | 280948438 | P. Thanh Bình | Bệnh binh                 |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3083                            | Lê Thị Vuông           | 1938 |      | 270061046 | P. Thanh Bình | CCCM                      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3084                            | Lư Thái Mai            |      | 1979 | 271303488 | P. Thanh Bình | CDHH GT                   |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3085                            | Nguyễn Đức Tường       | 1973 |      |           | P. Thanh Bình | CDHH GT                   |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3086                            | Nguyễn Kiên            | 1979 |      | 271826807 | P. Thanh Bình | CDHH GT                   |  | Bản vé số | 600.000            |  | Đã nhận<br>900.000 đồng<br>bên bán vé số |
| 3087                            | Đỗ Thanh Ngọc          | 1948 |      | 270004536 | P. Thanh Bình | CDHH                      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3088                            | Hồ Thủy Liên           |      | 1957 | 270005132 | P. Thanh Bình | CDHH                      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3089                            | Lê Thị Thu Hương       |      | 1947 | 271891272 | P. Thanh Bình | CDHH                      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3090                            | Nguyễn Tân             | 1943 |      | 270010438 | P. Thanh Bình | CDHH                      |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3091                            | Bùi Quang Cảnh         | 1943 |      | 270807152 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3092                            | Đỗ Hùng Minh           | 1957 |      | 271255498 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3093                            | Đỗ Văn Tắc             | 1949 |      | 270000530 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3094                            | Lưu Phước              | 1958 |      | 271293460 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3095                            | Mạc Đức Trọng          | 1952 |      | 271093808 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3096                            | Nguyễn Công Sáu        | 1943 |      | 271144555 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3097                            | Nguyễn Văn Gần         | 1934 |      | 170005227 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3098                            | Nguyễn Văn Hiên        | 1949 |      | 278854487 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3099                            | Nguyễn Văn Hồng        | 1940 |      | 221344127 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3100                            | Nguyễn Xuân Cương      | 1949 |      | 270008506 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |
| 3101                            | Phan Thanh Nghị        | 1948 |      | 270118044 | P. Thanh Bình | Thương binh               |  |           | 1.500.000          |  |                                          |



|                              |                   |      |      |           |               |                              |                          |            |  |  |
|------------------------------|-------------------|------|------|-----------|---------------|------------------------------|--------------------------|------------|--|--|
| 3102                         | Trịnh Minh Đức    | 1948 |      | 27000855  | P. Thanh Bình | Thương binh                  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3103                         | Trương Kim Sang   | 1963 |      | 270389395 | P. Thanh Bình | Thương binh                  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3104                         | Vũ Đức Huỳnh      | 1950 |      | 270713487 | P. Thanh Bình | Thương binh                  |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3105                         | Đỗ Đức Hùng       | 1947 |      |           | P. Thanh Bình | Thương binh, CDHH            |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3106                         | Nguyễn Văn Lưu    | 1954 |      | 270624607 | P. Thanh Bình | Thương binh, CDHH            |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3107                         | Phạm Năm          | 1948 |      | 270005298 | P. Thanh Bình | Thương binh, CDHH            |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3108                         | Quách Tiên        | 1949 |      |           | P. Thanh Bình | Thương binh, QĐ 142          |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3109                         | Tô Chí Lâm        | 1947 |      | 270640468 | P. Thanh Bình | Thương binh, Tù đầy          |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3110                         | Nguyễn Văn Luồng  | 1940 |      | 270017178 | P. Thanh Bình | Thương binh, Tù đầy          |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3111                         | Võ Thị Cẩm        |      | 1942 | 272098033 | P. Thanh Bình | Thương binh, Tuất LS, Tù đầy |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3112                         | Lý Ngọc Ý         |      | 1938 | 220226902 | P. Thanh Bình | Tù đầy                       |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3113                         | Phạm Thị Gái      |      | 1953 | 270713657 | P. Thanh Bình | Tuất CDHH                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3114                         | Nguyễn Thị Ánh    |      | 1934 | 272479176 | P. Thanh Bình | Tuất liệt sỹ                 | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |  |
| 3115                         | Tạ Thị Muối       |      | 1937 | 270060943 | P. Thanh Bình | Tuất liệt sỹ                 |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3116                         | Tô Yên Ngọc       |      | 1937 | 270044727 | P. Thanh Bình | Tuất liệt sỹ                 |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3117                         | Trương Kim Nga    |      | 1944 | 270081461 | P. Thanh Bình | Tuất liệt sỹ                 |                          | 1.500.000  |  |  |
|                              | Tổng: 36 người    |      |      |           |               |                              |                          | 53.100.000 |  |  |
| <b>XXIX PHƯỜNG TRẢNG DÀI</b> |                   |      |      |           |               |                              |                          |            |  |  |
| 3118                         | Đặng Quốc Đạt     | 1950 |      | 270007218 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3119                         | Đặng Văn Thuật    | 1947 |      | 162679914 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3120                         | Trần Văn Sơn      | 1956 |      | 121344439 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3121                         | Hà Minh Thu       | 1937 |      | 140951180 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |  |
| 3122                         | Bùi Văn Thảo      | 1959 |      | 270808781 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3123                         | Đỗ Văn Dũng       | 1961 |      | 271030462 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3124                         | Hoàng Ngọc Hoan   | 1946 |      | 270696506 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3125                         | Hoàng Văn Tân     | 1954 |      | 271712048 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3126                         | Lê Hồng Sơn       | 1960 |      | 271514207 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3127                         | Lê Huy Phúc       | 1939 |      | 272193442 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000  |  |  |
| 3128                         | Lê Huy Toại       | 1952 |      | 272311151 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3129                         | Lê Văn Lộc        | 1940 |      | 273373323 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3130                         | Lương Ngọc Lan    | 1953 |      | 272699979 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3131                         | Nguyễn Đăng Hưng  | 1950 |      | 172803435 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3132                         | Nguyễn Doãn Hồng  | 1952 |      | 272319414 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3133                         | Nguyễn Dũng Tiến  | 1948 |      | 272436757 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3134                         | Nguyễn Hồng Thuận | 1950 |      | 272386161 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3135                         | Nguyễn Ngọc Toàn  | 1948 |      |           | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3136                         | Nguyễn Nhật Tân   | 1949 |      | 272268303 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3137                         | Nguyễn Quốc Anh   | 1954 |      | 183413557 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3138                         | Nguyễn Thanh Liệu | 1954 |      | 271849896 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3139                         | Nguyễn Thị Nhi    |      | 1953 |           | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3140                         | Nguyễn Văn Nghi   | 1954 |      |           | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |
| 3141                         | Nguyễn Văn Tư     | 1946 |      | 183725607 | P. Trảng Dài  | Bệnh binh                    |                          | 1.500.000  |  |  |



|      |                   |      |      |             |              |                                         |                          |  |           |  |  |
|------|-------------------|------|------|-------------|--------------|-----------------------------------------|--------------------------|--|-----------|--|--|
| 3142 | Phạm Thanh Bằng   | 1952 |      | 184013097   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3143 | Phạm Văn Phẩm     | 1951 |      | 171721947   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3144 | Phạm Văn Chiến    | 1978 |      | 273041799   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3145 | Tạ Diên Kịch      | 1946 |      | 272806909   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3146 | Tổng Văn Xê       | 1954 |      | 272379444   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3147 | Trần Đại Dũng     | 1959 |      | 271921354   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3148 | Trần Đình Cru     | 1939 |      | 272726627   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3149 | Trần Huy Chú      | 1957 |      | 272377337   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3150 | Trần Mạnh Căn     | 1951 |      | 271612983   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3151 | Trần Văn Ba       | 1953 |      | 272130011   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3152 | Trần Văn Bình     | 1957 |      | 161966 080  | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3153 | Trần Văn Mạnh     | 1957 |      | 271478365   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3154 | Trần Văn Tuấn     | 1955 |      | 272979834   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3155 | Trịnh Viết Ý      | 1940 |      | 151667336   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               | BTXH<br>(Người cao tuổi) |  | 1.500.000 |  |  |
| 3156 | Võ Ngọc Căn       | 1950 |      | 272438282   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3157 | Vũ Đức Thịnh      | 1956 |      | 271645153   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3158 | Vũ Huy Thắng      | 1954 |      | 271730186   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3159 | Vũ Quang Đức      | 1950 |      | 272178989   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3160 | Vương Đạo Căn     | 1955 |      | 272778718   | P. Trảng Dài | Bệnh binh                               |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3161 | Lê Văn Hà         | 1943 |      | 272049462   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, CDHH                         |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3162 | Trần Huy Liệu     | 1953 |      | 230 836 739 | P. Trảng Dài | Bệnh binh, CDHH                         |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3163 | Đỗ Minh Ngọc      | 1950 |      | 272 716 466 | P. Trảng Dài | Bệnh binh, CDHH                         |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3164 | Dương Lê Thu      | 1952 |      | 182431072   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, CDHH                         |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3165 | Lê Văn Thủy       | 1952 |      | 272 203 458 | P. Trảng Dài | Bệnh binh, CDHH                         |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3166 | Phạm Mạnh Hùng    | 1944 |      | 271432360   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3167 | Phạm Ngọc Chiến   | 1947 |      | 241193422   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3168 | Phạm Văn Thìn     | 1942 |      | 183933956   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3169 | Trương Quang Ngụ  | 1950 |      | 272993115   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3170 | Lê Hải Đường      | 1946 |      | 272 646 946 | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3171 | Nguyễn Đức Nhuận  | 1943 |      | 272095350   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3172 | Nguyễn Đức Nhuận  | 1954 |      | 272716679   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3173 | Lê Đình Luân      | 1950 |      | 271916303   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh                  |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3174 | Nguyễn Đình Cầm   | 1940 |      | 272 623 926 | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Thương binh, CDHH, Bệnh binh |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3175 | Trần Thị Minh     |      | 1954 | 272927919   | P. Trảng Dài | Bệnh binh, Tuất BB                      |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3176 | Nguyễn Bá Dũng    | 1950 |      | 23289372    | P. Trảng Dài | CCCM                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3177 | Lê Thị Châu       |      | 1941 | 270 464 879 | P. Trảng Dài | CCCM, Tù đầy                            |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3178 | Đỗ Thị Nền        |      | 1940 |             | P. Trảng Dài | CCCM                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3179 | Bùi Trung Ủy      | 1948 |      | 272463359   | P. Trảng Dài | CDHH                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3180 | Đỗ Thanh Cao      | 1954 |      | 271854778   | P. Trảng Dài | CDHH                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3181 | Đỗ Viết Thế       | 1945 |      | 272638810   | P. Trảng Dài | CDHH                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3182 | Lê Ngọc Thành     | 1946 |      | 272 133 868 | P. Trảng Dài | CDHH                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3183 | Mai Văn Việt      | 1947 |      | 272749978   | P. Trảng Dài | CDHH                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3184 | Nguyễn Công Thắng | 1943 |      | 272927663   | P. Trảng Dài | CDHH                                    |                          |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |             |              |         |            |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|-------------|--------------|---------|------------|--|-----------|--|--|
| 3185 | Nguyễn Đức Lân       | 1942 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3186 | Nguyễn Hữu Hồ        | 1952 |      | 270742583   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3187 | Nguyễn Minh Diễm     | 1947 |      | 150758948   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3188 | Nguyễn Văn Yên       | 1953 |      | 270907798   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3189 | Phạm Hoa Thắm        | 1941 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3190 | Phạm Thị Loan        |      | 1947 | 171073014   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3191 | Phan Hữu Trơ         | 1955 |      | 271777058   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3192 | Phan Thị Xuân        |      | 1953 | 270808099   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3193 | Phùng Văn Đệ         | 1940 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    | TB mất sức |  | 1.500.000 |  |  |
| 3194 | Vũ Đức Hải           | 1944 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3195 | Vũ Văn Thê           | 1950 |      | 272266805   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3196 | Vương Đức Thuận      | 1956 |      | 271065269   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3197 | Đinh Viết Vĩnh       | 1956 |      | 162356794   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3198 | Cao Tiên Sứ          | 1937 |      | 270854686   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3199 | Đặng Thái Từ         | 1940 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3200 | Đặng Xuân Đức        | 1950 |      | 141486376   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3201 | Hà Thị Thủy          |      | 1949 |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3202 | Hoàng Ngọc Viễn      | 1947 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3203 | Lê Đức Vinh          | 1934 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3204 | Lương Xuân Thanh     | 1951 |      | 171367034   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3205 | Nguyễn Hữu Phú       | 1948 |      | 272438779   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3206 | Nguyễn Quốc Hân      | 1945 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3207 | Nguyễn Thị Anh Tuyết |      | 1947 |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3208 | Nguyễn Thị Hồng Thái |      | 1948 |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3209 | Phạm Đình Nhỏ        | 1944 |      | 272144701   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3210 | Phạm Đình Phúc       | 1933 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3211 | Trần Ngọc Thịnh      | 1956 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3212 | Dương Xuân Định      | 1939 |      | 270007267   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3213 | Hoàng Thị Phong      |      | 1954 | 272646746   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3214 | Lê Đăng Khoa         | 1954 |      | 270934159   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3215 | Nguyễn Bá Linh       | 1950 |      | 272448251   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3216 | Nguyễn Đức Tinh      | 1950 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3217 | Nguyễn Văn Khải      | 1937 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3218 | Trần Công Tàng       | 1946 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3219 | Vũ Quang Bộ          | 1942 |      | 270008979   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3220 | Võ Thị Dung          |      | 1950 |             | P. Trảng Dài | CDHH    | TB mất sức |  | 1.500.000 |  |  |
| 3221 | Bùi Huy Toàn         | 1950 |      | 272169342   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3222 | Trần Văn Lực         | 1947 |      | 120 488 773 | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3223 | Lê Hùng Thân         | 1943 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3224 | Đỗ Ngọc Anh          | 1954 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3225 | Đoàn Ngọc Yên        | 1959 |      | 270364234   | P. Trảng Dài | CDHH    |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3226 | Đặng Hùng Thắng      | 1975 |      | 272446785   | P. Trảng Dài | CDHH GT |            |  | 1.500.000 |  |  |
| 3227 | Đào Văn Tiến         | 1991 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH GT |            |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |             |              |                    |  |                                |           |  |
|------|----------------------|------|------|-------------|--------------|--------------------|--|--------------------------------|-----------|--|
| 3228 | Đỗ Thị Lan           |      | 1977 | 271566242   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3229 | Hoàng Thị Lương      |      | 1975 | 182315936   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3230 | Lê Hoàng Long        | 1992 |      | 283267069   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3231 | Lê Thị Thuương       |      | 1985 | 271 817 156 | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3232 | Nguyễn Đức Hoàng     | 1979 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3233 | Nguyễn Thị Hải Vân   |      | 1978 | không có    | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3234 | Nguyễn Thị Thành     |      | 1981 | 276040272   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3235 | Nguyễn Văn Dũng      | 1975 |      | 272387123   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3236 | Trần Thị Hiền        |      | 1980 | 121860279   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3237 | Trần Thị Liễu        |      | 1983 | 272480211   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3238 | Trần Văn Dũng        | 1967 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3239 | Trần Văn Phong       | 1967 |      | 270782489   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3240 | Trần Văn Tiến (Mình) | 1972 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3241 | Trần Viết Phong      | 1947 |      | 271 660 308 | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3242 | Từ Thị Thơm          |      | 1989 | 194350381   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  | công nhân<br>(DN4757513155048) | 1.500.000 |  |
| 3243 | Vũ Thị Lan Phương    |      | 1982 | 272334914   | P. Trảng Dài | CDHH GT            |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3244 | Phạm Thị Bình        |      | 1955 | 272748812   | P. Trảng Dài | CDHH               |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3245 | Lê Văn Doãn          | 1952 |      | 271 965 873 | P. Trảng Dài | CDHH, QĐ142        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3246 | Đặng Hữu Bình        | 1949 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH, TB-TNLD      |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3247 | Nguyễn Văn Đức       | 1948 |      |             | P. Trảng Dài | CDHH, QĐ142        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3248 | Nguyễn Thị Huỳnh     |      | 1953 | 270604211   | P. Trảng Dài | Thung bình, Tù đầy |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3249 | Võ Văn Sâm           | 1934 |      | 181 184 286 | P. Trảng Dài | Thung bình, Tù đầy |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3250 | Hoàng Biên Hòa       | 1953 |      | 170691382   | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3251 | Phạm Xuân Thành      | 1948 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3252 | Trần Văn Vương       | 1949 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3253 | Hà Quang Cường       | 1958 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3254 | Nguyễn Minh Tâm      | 1959 |      | 270713453   | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3255 | Vũ Thị Hôn           |      | 1947 |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3256 | Bùi Huy Vương        | 1964 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3257 | Phạm Ngọc Thiệp      | 1953 |      | 161860174   | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3258 | Trần Văn Bảo         | 1940 |      | 271588290   | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3259 | Đào Thị Oanh         |      | 1946 |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3260 | Nguyễn Mạnh Hùng     | 1951 |      | 183268083   | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3261 | Ngô Thọ Xếp          | 1939 |      | 170033395   | P. Trảng Dài | Thương bình        |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000 |  |
| 3262 | Đinh Xuân Trường     | 1956 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3263 | Hoàng Quốc Phòng     | 1953 |      | 272271810   | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3264 | Lê Đăng Lê           | 1958 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3265 | Lê Diên An           | 1945 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3266 | Lê Quang Tiệp        | 1940 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3267 | Lê Văn Diên          | 1939 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3268 | Nguyễn Đức Bốn       | 1961 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |
| 3269 | Nguyễn Duy Đăng      | 1926 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình        |  |                                | 1.500.000 |  |



|      |                   |      |      |             |              |             |  |           |  |  |
|------|-------------------|------|------|-------------|--------------|-------------|--|-----------|--|--|
| 3270 | Nguyễn Hồng Nhật  | 1960 |      | 271432177   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3271 | Nguyễn Thị Tứ     |      | 1950 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3272 | Nguyễn Tiến Trạch | 1952 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3273 | Phan Anh Thịnh    | 1952 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3274 | Phan Văn Hội      | 1945 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3275 | Thái Văn Chiến    | 1954 |      | 271862879   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3276 | Tiêu Công Thoát   | 1948 |      | 270468598   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3277 | Trần Văn Hà       | 1959 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3278 | Trần Văn Tùng     | 1962 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3279 | Tương Như Ý       | 1961 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3280 | Bùi Văn Liên      | 1957 |      | 271657266   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3281 | Nguyễn Chí Thành  | 1954 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3282 | Bùi Văn Thanh     | 1957 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3283 | Bùi Xuân Kiều     | 1948 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3284 | Đỗ Huy Lịch       | 1950 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3285 | Đoàn Xuân Nghi    | 1941 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3286 | Dương Quốc Khánh  | 1954 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3287 | Hà Đông Tiến      | 1953 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3288 | Lâm Văn Mậu       | 1964 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3289 | Lê Quang Trung    | 1954 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3290 | Lê Thanh Xuân     | 1958 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3291 | Lê Việt Thông     | 1959 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3292 | Lương Công Lạc    | 1947 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3293 | Lương Hoàn Nhất   | 1951 |      | 21581938    | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3294 | Nguyễn Đăng Tư    | 1950 |      | 270930287   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3295 | Nguyễn Hoà Hợp    | 1950 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3296 | Nguyễn Hồng Minh  | 1961 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3297 | Nguyễn Ngọc Lan   |      | 1952 | 270729118   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3298 | Nguyễn Văn Trai   | 1948 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3299 | Nguyễn Văn Vê     | 1952 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3300 | Trần Cương Quyết  | 1951 |      | 270772754   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3301 | Trần Ngọc Thi     | 1928 |      | 271940067   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3302 | Trần Văn Hải      | 1959 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3303 | Trần Văn Kiềm     | 1955 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3304 | Bùi Văn Dương     | 1950 |      | 163071307   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3305 | Hoàng Kiềm        | 1945 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3306 | Nguyễn Xuân Ngo   | 1948 |      | 161305818   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3307 | Tông Viết Hảo     | 1965 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3308 | Lê Trọng Khôi     | 1942 |      | 272272806   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3309 | Nguyễn Công Thảo  | 1953 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3310 | Nguyễn Duy Ba     | 1960 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3311 | Nguyễn Thi Văn    |      | 1941 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3312 | Võ Trọng Hân      | 1952 |      | 272286505   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3313 | Đặng Thị Lý       |      | 1951 | 180658418   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3314 | Đỗ Văn Nhật       | 1949 |      | 272.009.590 | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                   |      |             |              |             |  |  |           |  |
|------|-------------------|------|-------------|--------------|-------------|--|--|-----------|--|
| 3315 | Trịnh Bá Cầu      | 1951 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3316 | Hồ Văn Tâm        | 1951 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3317 | Nguyễn Đức Đế     | 1932 | 271514890   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3318 | Nguyễn Thị Túc    |      | 1945        | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3319 | Nguyễn Trọng Dân  | 1946 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3320 | Phạm Minh Trắc    | 1935 | 270378668   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3321 | Võ Văn Hoat       | 1936 | 272816021   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3322 | Bùi Ngọc Sơn      | 1954 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3323 | Bùi Thị Thiêm     |      | 1951        | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3324 | Bùi Văn Ước       | 1946 | 272600716   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3325 | Bùi Xuân Liệu     | 1958 | 272239956   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3326 | Cao Ngọc Lịch     | 1947 | 271009770   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3327 | Đặng Bá Phú       | 1951 | 285076138   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3328 | Đào Thị Hải       |      | 1943        | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3329 | Đào Văn Quân      | 1950 | 272780953   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3330 | Đinh Văn Hoan     | 1950 | 272875483   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3331 | Đỗ Tư             | 1952 | 270011611   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3332 | Đoàn Đức Luận     | 1959 | 271657213   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3333 | Đoàn Thị Tinh     |      | 1950        | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3334 | Hoàng Văn Nghĩa   | 1960 | 272061398   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3335 | Hoàng Văn Tam     | 1963 | 272112542   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3336 | Huỳnh Thị Sửu     |      | 1948        | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3337 | Lê Đình Cương     | 1951 | 272096230   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3338 | Lê Hoàng Cẩm      | 1947 | 272486975   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3339 | Lê Hồng Tạng      | 1951 | 271921539   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3340 | Lê Hữu Giót       | 1947 | 272578281   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3341 | Lê Văn Hùng       | 1942 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3342 | Lưu Bá Anh        | 1964 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3343 | Lưu Đức Lan       | 1957 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3344 | Mai Xuân Vê       | 1948 | 271401071   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3345 | Nguyễn Công Mai   | 1952 | 276041257   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3346 | Nguyễn Đức Tuấn   | 1938 | 271630791   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3347 | Nguyễn Duy Phương | 1961 | 271468343   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3348 | Nguyễn Hồng Kỳ    | 1949 | 272593412   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3349 | Nguyễn Hữu Thơm   | 1963 | 271860229   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3350 | Nguyễn Ngọc Cẩm   | 1962 | 276069904   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3351 | Nguyễn Ngọc Thuý  | 1962 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3352 | Nguyễn Như Sơn    | 1953 | 271476470   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3353 | Nguyễn Quang Đông | 1952 | 272377386   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3354 | Nguyễn Sỹ Củng    | 1948 | Mất CMND    | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3355 | Nguyễn Thanh Diễm | 1947 | 270 524 138 | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3356 | Nguyễn Thanh Thi  | 1956 | 270024290   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3357 | Nguyễn Thị Khang  |      | 1954        | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3358 | Nguyễn Tiến Bội   | 1959 | 1122 84 148 | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |
| 3359 | Nguyễn Trùng Tý   | 1960 | 271904177   | P. Trảng Dài | Thương bình |  |  | 1.500.000 |  |



|      |                  |      |      |             |              |             |  |           |  |  |
|------|------------------|------|------|-------------|--------------|-------------|--|-----------|--|--|
| 3360 | Nguyễn Từ Thiện  | 1968 |      | 300620738   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3361 | Nguyễn Văn Bến   | 1957 |      | 271062870   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3362 | Nguyễn Văn Cơ    | 1950 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3363 | Nguyễn Văn Cư    | 1947 |      | 180989306   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3364 | Nguyễn Văn Diệp  | 1959 |      | 272388808   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3365 | Nguyễn Văn Dương | 1962 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3366 | Nguyễn Văn Liệu  | 1949 |      | 180658313   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3367 | Nguyễn Văn Lực   | 1952 |      | 183972481   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3368 | Nguyễn Văn Sam   | 1953 |      | 272299060   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3369 | Nguyễn Văn Thạch | 1957 |      | 270945129   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3370 | Nguyễn Văn Thiếp | 1955 |      | 120019377   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3371 | Nguyễn Xuân An   | 1952 |      | 271762508   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3372 | Nguyễn Xuân Kinh | 1948 |      | 270413930   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3373 | Phạm Đăng Hạp    | 1947 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3374 | Phạm Ngọc Nam    | 1964 |      | 271 549 467 | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3375 | Phạm Ngọc Tân    | 1964 |      | 272998483   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3376 | Phạm Văn Râu     | 1940 |      | 272267832   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3377 | Phạm Văn Thắng   | 1953 |      | 271489398   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3378 | Phạm Văn Trọng   | 1960 |      | 272289515   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3379 | Phạm Xuân Liêm   | 1947 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3380 | Phạm Xuân Vang   | 1955 |      | 270870134   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3381 | Phan Thị Mậu     |      | 1952 | 241 666 268 | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3382 | Phan Thị Phuong  |      | 1948 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3383 | Tổng Duy Đáp     | 1938 |      | 170090043   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3384 | Tân Kim Nhất     | 1957 |      | 270644672   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3385 | Tân Minh Sơn     | 1950 |      | 272 225 000 | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3386 | Tân Quang Nhật   | 1958 |      | 272 377 823 | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3387 | Trần Thị Thất    |      | 1948 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3388 | Trần Văn Tâm     | 1960 |      | 272 388 891 | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3389 | Trần Viết Mậu    | 1947 |      | 272 637 862 | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3390 | Trần Xuân Lộc    | 1942 |      | 233181623   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3391 | Trịnh Đình Huệ   | 1951 |      | 173207357   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3392 | Trịnh Minh Trung | 1950 |      | 272857795   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3393 | Trịnh Thị Thân   |      | 1952 | 180855794   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3394 | Tương Duy Đại    | 1950 |      | 142941639   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3395 | Từ Thị Chiên     |      | 1953 | 276041301   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3396 | Võ Trí Tùng      | 1957 |      | 272067568   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3397 | Vũ Văn Đình      | 1937 |      | 272726791   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3398 | Vũ Văn Quán      | 1950 |      | 240889569   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3399 | Đình Ngọc Vinh   | 1940 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3400 | Mai Đình Thành   | 1964 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3401 | Nguyễn Phúc Lập  | 1952 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3402 | Nguyễn Sỹ Hùng   | 1968 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3403 | Nguyễn Thị Quý   |      | 1954 |             | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |
| 3404 | Nguyễn Văn Phoi  | 1960 |      | 272222963   | P. Trảng Dài | Thương bình |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                     |      |      |              |              |                                 |  |                          |           |  |  |
|------|---------------------|------|------|--------------|--------------|---------------------------------|--|--------------------------|-----------|--|--|
| 3405 | Nguyễn Văn Trương   | 1967 |      | 272428932    | P. Trảng Dài | Thương binh                     |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3406 | Nguyễn Vĩnh Khúc    | 1948 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh                     |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3407 | Phan Văn Chính      | 1948 |      | 272294802    | P. Trảng Dài | Thương binh                     |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3408 | Trần Hồng Cơ        | 1942 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh                     |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3409 | Trần Hữu Gắng       | 1963 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh                     |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3410 | Trần Nguyễn Thịnh   | 1947 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh                     |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3411 | Trình Văn Đàm       | 1939 |      | 271 021 667  | P. Trảng Dài | Thương binh                     |  | BTXH<br>(Người cao tuổi) | 1.500.000 |  |  |
| 3412 | Nguyễn Công Tráng   | 1954 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh B                   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3413 | Nguyễn Văn Hà       | 1959 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh B                   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3414 | Phạm Văn Diễm       | 1942 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh B                   |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3415 | Nguyễn Tiến Lăng    | 1954 |      | 270 898 206  | P. Trảng Dài | Thương binh, Bệnh binh          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3416 | Nguyễn Xuân Vê      | 1950 |      | 270 922 663  | P. Trảng Dài | Thương binh, Bệnh binh          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3417 | Trần Quốc Toàn      | 1955 |      | 272503822    | P. Trảng Dài | Thương binh, Bệnh binh          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3418 | Trần Sĩ Hiệp        | 1954 |      | 271 521 980  | P. Trảng Dài | Thương binh, Bệnh binh          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3419 | Nguyễn Cảnh Hóa     | 1950 |      | 270000002    | P. Trảng Dài | Thương binh, Bệnh binh          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3420 | Nguyễn Huỳnh Đức    | 1945 |      | 270604136    | P. Trảng Dài | Thương binh, Bệnh binh          |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3421 | Trần Trọng Bình     | 1949 |      | 036049000269 | P. Trảng Dài | Thương binh,<br>Bệnh binh, CDHH |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3422 | Huỳnh Thi Dương     |      | 1955 | 271611754    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3423 | Lê Mạnh Hồng        | 1948 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3424 | Bùi Văn Nào         | 1953 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3425 | Chu Văn Cách        | 1942 |      | 271552269    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3426 | Đào Viết Nam        | 1949 |      | 271865429    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3427 | Nguyễn Đức Ánh      | 1950 |      | 2723.34 566  | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3428 | Nguyễn Duy Phong    | 1945 |      | 271611753    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3429 | Nguyễn Hữu Chính    | 1950 |      | 272 386 161  | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3430 | Nguyễn Văn Quỳnh    | 1952 |      | 272 011 984  | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3431 | Nguyễn Văn Tân      | 1953 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3432 | Phạm Đình Chiến     | 1955 |      | 270729400    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3433 | Phạm Văn Thi        | 1952 |      | 140493238    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3434 | Phạm Văn Xê         | 1949 |      | 272698600    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3435 | Phạm Xuân Khá       | 1942 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3436 | Phạm Văn Tuế        | 1953 |      | 272268040    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3437 | Phùng Thi Thanh Tâm |      | 1938 |              | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3438 | Trần Thị Thanh      |      | 1940 | 270001449    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3439 | Trịnh Đình Hoàn     | 1954 |      | 271 979 777  | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3440 | Vũ Trọng Lộc        | 1954 |      | 272 797 103  | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3441 | Vũ Trọng Mạch       | 1952 |      | 270721601    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3442 | Vũ Xuân Trinh       | 1946 |      | 272576917    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3443 | Vương Quý Sỹ        | 1948 |      | 272 311 896  | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3444 | Chu Quốc Hội        | 1948 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3445 | Nguyễn Quý Đạt      | 1949 |      |              | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3446 | Nguyễn Trọng Căn    | 1954 |      | 270713461    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |
| 3447 | Nguyễn Văn Tuyển    | 1957 |      | 270951439    | P. Trảng Dài | Thương binh, CDHH               |  |                          | 1.500.000 |  |  |



|      |                   |      |      |             |              |                             |  |                                |           |  |  |
|------|-------------------|------|------|-------------|--------------|-----------------------------|--|--------------------------------|-----------|--|--|
| 3448 | Phan Xuân Tường   | 1955 |      | 271745948   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3449 | Trương Hữu Phước  | 1948 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3450 | Ngô Đức Ry        | 1957 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3451 | Bùi Chính Quyền   | 1952 |      | 272662315   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3452 | Bùi Minh Giám     | 1944 |      | 150786645   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3453 | Lê Quang Cát      | 1955 |      | 271675484   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3454 | Phạm Văn Huệ      | 1952 |      | 270972685   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3455 | Trần Xuân Hồ      | 1947 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3456 | Dương Văn Ấp      | 1949 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3457 | Nguyễn Hữu Tuấn   | 1950 |      | 272219335   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3458 | Nguyễn Hùng Dũng  | 1954 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3459 | Đỗ Minh Thu       | 1947 |      | 272868314   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3460 | Hoàng Vương Lăng  | 1948 |      |             | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3461 | Hoàng Trọng Cán   | 1954 |      | 270713545   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3462 | Trương Sỹ Đông    | 1956 |      | 272616143   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  | công nhân<br>(ĐN2757516000850) | 1.500.000 |  |  |
| 3463 | Lê Văn Vinh       | 1956 |      | 260691148   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH           |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3464 | Nguyễn Văn Hoàng  | 1940 |      | 270010253   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH, TD       |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3465 | Phan Đức Thắng    | 1952 |      | 160113416   | P. Trảng Dài | Thương bình, CDHH, Tù đầy   |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3466 | Cao Thị Bảo       | 1952 |      | 181971702   | P. Trảng Dài | Thương bình, Tuất bệnh binh |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3467 | Lê Thị Đức        |      | 1950 | 270214090   | P. Trảng Dài | Thương bình, Tuất CDHH, TD  |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3468 | Lâm Đạo Hạnh      | 1940 |      | 272 561 446 | P. Trảng Dài | Thương bình, Tuất LS        |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3469 | Nguyễn Tư Năng    | 1932 |      | 272999706   | P. Trảng Dài | Thương bình, Tuất LS        |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3470 | Phan Nụ           | 1920 |      |             | P. Trảng Dài | TKN, Tuất LS                |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3471 | Tạ Ngọc Hưng      | 1936 |      | 272824290   | P. Trảng Dài | Tù đầy, Hưu trí             |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3472 | Nguyễn Linh Nhiệm | 1956 |      | 270384176   | P. Trảng Dài | Tù đầy, hưu trí             |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3473 | Uông Thị Chi      |      | 1958 | 272369512   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3474 | Bùi Quang Nguyên  | 1998 |      | 272697229   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3475 | Lê Thị Thục       |      | 1958 | 272763166   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3476 | Lê Thị Vân        |      | 1938 | 272349621   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3477 | Lưu Thị Nhiên     |      | 1952 | 271051645   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3478 | Nguyễn Thị Năng   |      | 1944 | 270641517   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3479 | Nguyễn Thị Phái   |      | 1943 | 272623997   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3480 | Thái Thị Thanh An |      | 2009 | Tiê em      | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3481 | Trần Thị Bình     |      | 1952 | 250848172   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3482 | Trần Thị Chuẩn    |      | 1941 |             | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3483 | Trần Thị Nghi     |      | 1957 | 272616985   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3484 | Trịnh Thị Nhật    |      | 1944 |             | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  |                                | 1.500.000 |  |  |
| 3485 | Vũ Thị Chung      |      | 1952 | 272647302   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000 |  |  |
| 3486 | Nguyễn Thị Hương  |      | 1937 | 272095687   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  | BTXH<br>(Người cao tuổi)       | 1.500.000 |  |  |
| 3487 | Phạm Thị Tùng     |      | 1955 | 132118003   | P. Trảng Dài | Tuất BB                     |  | BTXH<br>(khuyết tật)           | 1.500.000 |  |  |



|      |                        |      |      |             |              |                  |                          |  |           |  |  |
|------|------------------------|------|------|-------------|--------------|------------------|--------------------------|--|-----------|--|--|
| 3488 | Trần Thị Thanh         |      | 1954 |             | P. Trảng Dài | Tuất BB, CDHH    |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3489 | Chu Thị Minh Thu       |      | 1959 |             | P. Trảng Dài | Tuất BB, hưu trí |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3490 | Bùi Thị Minh           | 1950 |      |             | P. Trảng Dài | Tuất CDHH        |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3491 | Mai Thị Lua            |      | 1956 |             | P. Trảng Dài | Tuất CDHH        |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3492 | Mai Thị Nể             |      | 1956 | 270854687   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3493 | Trần Việt Thuật        | 1929 |      | 272501863   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3494 | Đặng Thị Búp           |      | 1933 | 272239058   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3495 | Đặng Thị Huệ           |      | 1941 | 272312806   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3496 | Hoàng Thị Dung         |      | 1936 | 180599860   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3497 | Hoàng Thị Hải Yến      |      | 1996 | 272470698   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3498 | Hoàng Thị Hát          |      | 1954 | 125469122   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3499 | Huyền Thị Phan         |      | 1935 | 205997624   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3500 | Lê Thị Đầu             |      | 1938 | 34138000171 | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3501 | Lê Thị Lan             |      | 1926 | 270079759   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3502 | Lưu Thị Đồng           |      | 1926 | 20832435    | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3503 | Mai Thị Viên           |      | 1935 | 272.584.623 | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3504 | Nguyễn Thị Cúc         |      | 1942 | 272561447   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3505 | Nguyễn Thị Hòa         |      | 1938 | 272307257   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3506 | Nguyễn Thị Hương       |      | 1936 | 270854496   | P. Trảng Dài | Tuất liệt sỹ     |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3507 | Nguyễn Thị Mân         |      | 1953 | 120172937   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3508 | Nguyễn Thị Mười        |      | 1940 | 168.287.615 | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3509 | Nguyễn Thị Ngoan       |      | 1943 | 170066363   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3510 | Nguyễn Thị Nháng       |      | 1933 | 272738042   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3511 | Nguyễn Thị Thu         |      | 1943 | 272975700   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3512 | Nguyễn Văn Đình        | 1930 |      | 272286890   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3513 | Phạm Thị Ba            |      | 1917 |             | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3514 | Phạm Thị Nhật          |      | 1939 |             | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3515 | Phan Thị Nguyệt        |      | 1944 | 180904921   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3516 | Tà Thị Chung           |      | 1946 | 170624893   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3517 | Tống Thị Mân           |      | 1942 |             | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3518 | Trần Thị Khéo          |      | 1937 | 170748515   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3519 | Trần Thị Lao           |      | 1940 |             | P. Trảng Dài | Tuất LS          | BXTH<br>(người cao tuổi) |  | 1.500.000 |  |  |
| 3520 | Trần Thị Nga           |      | 1934 | 271898403   | P. Trảng Dài | Tuất LS          | BXTH<br>(người cao tuổi) |  | 1.500.000 |  |  |
| 3521 | Trần Thị Nguyền        |      | 1938 | 272993572   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3522 | Trần Thị Thảo          |      | 1919 |             | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3523 | Nguyễn Thị Xẩm         |      | 1928 | 270141508   | P. Trảng Dài | Tuất LS          | BXTH<br>(người cao tuổi) |  | 1.500.000 |  |  |
| 3524 | Ngô Thị Yên            |      | 1940 | 272193147   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3525 | Nguyễn Thị Suốt (xuất) |      | 1948 | 12633633    | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3526 | Nguyễn Thị The         |      | 1946 | 240600376   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3527 | Trần Thị Hồng Tiến     |      | 1957 | 272050925   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |
| 3528 | Trình Thị Đông         |      | 1943 | 170179910   | P. Trảng Dài | Tuất LS          |                          |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                   |      |             |               |                  |  |                          |             |  |  |
|------|-------------------|------|-------------|---------------|------------------|--|--------------------------|-------------|--|--|
| 3529 | Trần Thị Hồng     | 1934 | 272378151   | P. Trảng Dài  | Tuất LS          |  | BXTH<br>(người cao tuổi) | 1.500.000   |  |  |
| 3530 | Trịnh Thị Kim     | 1950 | 272386850   | P. Trảng Dài  | Tuất LS          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3531 | Nguyễn Thị Sâm    | 1941 | 271844273   | P. Trảng Dài  | Tuất LS(CK)      |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3532 | Lê Thị Hoir       | 1929 |             | P. Trảng Dài  | Tuất LS,Hưu trí  |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3533 | Phan Thị San      | 1936 |             | P. Trảng Dài  | Tuất TB          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3534 | Lâm Thị Hồng Tư   | 1950 | 271917251   | P. Trảng Dài  | Tuất TB          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3535 | Lê Thị Tuyết      | 1950 | 184261129   | P. Trảng Dài  | Tuất TB          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3536 | Nguyễn Thị Thu    | 1958 | 271298978   | P. Trảng Dài  | Tuất TB          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3537 | Nguyễn Thị Van    | 1957 | 272 917 575 | P. Trảng Dài  | Tuất TB          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3538 | Chu Thị Quy       | 1944 |             | P. Trảng Dài  | Tuất TB, Hưu trí |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3539 | Bùi Quang Trắc    | 1950 |             | P. Trảng Dài  | TB mắt<br>sức    |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3540 | Lê Văn Ngoan      | 1948 |             | P. Trảng Dài  | TB mắt<br>sức    |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3541 | Lê Xuân Minh      | 1955 | 271019002   | P. Trảng Dài  | TB mắt<br>sức    |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3542 | Nguyễn Thanh Trà  | 1940 | 36040000257 | P. Trảng Dài  | TB mắt<br>sức    |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3543 | Phạm Văn Thông    | 1931 |             | P. Trảng Dài  | TB mắt<br>sức    |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3544 | Trần Đức Quyền    | 1945 |             | P. Trảng Dài  | TB mắt<br>sức    |  |                          | 1.500.000   |  |  |
|      | Tổng: 427 người   |      |             |               |                  |  |                          | 640.500.000 |  |  |
| XXX  | PHƯỜNG TRUNG DỪNG |      |             |               |                  |  |                          |             |  |  |
| 3545 | Hồ Thị Nguyệt     | 1950 | 270081736   | P. Trung Dũng | Bệnh bình        |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3546 | Lê Minh Quang     | 1950 | 271673079   | P. Trung Dũng | Bệnh bình        |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3547 | Nguyễn Tấn Đạt    | 1958 | 270782780   | P. Trung Dũng | Bệnh bình        |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3548 | Trần Khả Mai      | 1948 | 271530534   | P. Trung Dũng | Bệnh bình        |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3549 | Trần Phạm Công    | 1957 | 270982205   | P. Trung Dũng | Bệnh bình        |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3550 | Nguyễn Minh Tân   | 1931 | 272239686   | P. Trung Dũng | Bệnh bình, CDHH  |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3551 | Châu Thị Ngọc Lai | 1937 | 270014288   | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3552 | Đoàn Thị Minh     | 1938 |             | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3553 | Nguyễn Thị Bằng   | 1935 | 271439947   | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3554 | Nguyễn Thị Đức    | 1935 | 2700841172  | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3555 | Nguyễn Thị Hiếu   | 1937 |             | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3556 | Nguyễn Thị Nở     | 1941 | 270103015   | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3557 | Nguyễn Thị Sa     | 1927 | 272011464   | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3558 | Phạm Thị Huệ      | 1939 |             | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3559 | Quang Văn Út      | 1948 |             | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3560 | Trần Minh Châu    | 1937 | 270095754   | P. Trung Dũng | CCCM             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3561 | Đỗ Thị Hồng Nhung | 1979 |             | P. Trung Dũng | CDHH GT          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3562 | Ngô Thị Lý        | 1979 | 272299660   | P. Trung Dũng | CDHH GT          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3563 | Nguyễn Lê Thanh   | 1979 |             | P. Trung Dũng | CDHH GT          |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3564 | Bùi Việt Hóa      | 1950 |             | P. Trung Dũng | CDHH             |  |                          | 1.500.000   |  |  |
| 3565 | Đặng Đức Bình     | 1954 |             | P. Trung Dũng | CDHH             |  |                          | 1.500.000   |  |  |



|      |                     |      |      |           |               |               |  |  |           |  |  |
|------|---------------------|------|------|-----------|---------------|---------------|--|--|-----------|--|--|
| 3566 | Đặng Đức Hoà        | 1949 |      | 271671503 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3567 | Đoàn Quang Uỷ       | 1947 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3568 | Hà Ngọc Châu        | 1951 |      | 270120955 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3569 | Lại Xuân Phúc       | 1950 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3570 | Lê Kỳ Quỳnh         | 1939 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3571 | Lê Văn Cúc          | 1951 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3572 | Lê Xuân Mùi         | 1953 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3573 | Lưu Văn Khúc        | 1950 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3574 | Nguyễn Đình Thắng   | 1945 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3575 | Nguyễn Huy Chu      | 1951 |      | 270004755 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3576 | Nguyễn Thị Đầm      |      | 1949 | 272199031 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3577 | Nguyễn Thị Liễu     |      | 1945 |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3578 | Nguyễn Văn Bất      | 1950 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3579 | Nguyễn Văn Giới     | 1951 |      | 270378128 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3580 | Nguyễn Văn Hưng     | 1952 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3581 | Nông Xuân Thu       | 1947 |      | 272883028 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3582 | Phạm Thùy Chương    | 1942 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3583 | Trần Mạnh Tiến      | 1945 |      | 270005346 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3584 | Trần Tấn Thành      | 1952 |      | 10242905  | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3585 | Trần Thị Dưc        |      | 1953 |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3586 | Trần Thị Nhung      |      | 1955 | 270005173 | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3587 | Võ Văn Ba           | 1929 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3588 | Vũ Việt Minh        | 1950 |      |           | P. Trung Dũng | CDHH          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3589 | Nguyễn Văn Nhưyng   | 1958 |      | 271182624 | P. Trung Dũng | Thương binh B |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3590 | Nguyễn Xuân Vy      | 1940 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh B |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3591 | Bùi Văn Quốc        | 1953 |      | 270586945 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3592 | Cung Đình Hòa       | 1954 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3593 | Hà Đăng Lực         | 1957 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3594 | Hoàng Minh Tuấn     | 1954 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3595 | Hoàng Thị Đài       |      | 1957 | 271344388 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3596 | Hồng Văn Doãn       | 1957 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3597 | Lâm Quốc Hùng       | 1928 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3598 | Lâm Văn Tình        | 1962 |      | 272199799 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3599 | Lê Trọng Chử        | 1948 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3600 | Nguyễn Công Hành    | 1929 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3601 | Nguyễn Đăng Dũng    | 1962 |      | 271837031 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3602 | Nguyễn Hưng         | 1964 |      | 270689251 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3603 | Nguyễn Hữu Đạt      | 1925 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3604 | Nguyễn Huy Do       | 1942 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3605 | Nguyễn Ngọc Ngân    | 1960 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3606 | Nguyễn Nhị Hà       | 1945 |      | 270007153 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3607 | Nguyễn Quốc Huy     | 1957 |      | 271537282 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3608 | Nguyễn Thị Bạch     | 1939 |      | 271622381 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3609 | Nguyễn Văn Chính    | 1955 |      | 270617501 | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3610 | Nguyễn Văn Hồng Đức | 1958 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh   |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |           |               |                              |  |  |           |  |  |
|------|----------------------|------|------|-----------|---------------|------------------------------|--|--|-----------|--|--|
| 3611 | Nguyễn Văn Huy       | 1971 |      | 271003461 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3612 | Nguyễn Văn Kinh      | 1950 |      | 270694345 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3613 | Nguyễn Văn Kỳ        | 1946 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3614 | Nguyễn Văn Miêng     | 1949 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3615 | Nguyễn Văn Ngân      | 1929 |      | 270100104 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3616 | Nguyễn Văn Ngọc      | 1957 |      | 271435047 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3617 | Nguyễn Văn Quyết     | 1945 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3618 | Phạm Huy Toàn        | 1952 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3619 | Phan Chí Thanh       | 1956 |      | 272011769 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3620 | Trần Đình Thụ        | 1946 |      | 271702716 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3621 | Trần Đức Tuấn        | 1956 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3622 | Trần Hùng Vĩ         | 1958 |      | 270713671 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3623 | Trần Hữu Trự         | 1956 |      | 270607390 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3624 | Trần Quang Vinh      | 1954 |      | 270856436 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3625 | Trần Thị Dũng        |      | 1955 |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3626 | Trần Thị Minh Hoa    |      | 1947 |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3627 | Trần Văn Tiêm        | 1937 |      | 272616059 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3628 | Trương Thị Tuyết Hoa |      | 1957 | 270970637 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3629 | Võ Thị Chin          |      | 1948 | 272196629 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3630 | Võ Tiến Toàn         | 1953 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3631 | Vũ Ngọc Lộc          | 1967 |      | 276077089 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3632 | Vũ Ngọc Tuấn         | 1960 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3633 | Vũ Văn Lương         | 1953 |      | 270005278 | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3634 | Vy Minh Nam          | 1941 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh                  |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3635 | Nguyễn Đình Long     | 1952 |      | 270742697 | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3636 | Nguyễn Thị Thanh     |      | 1945 |           | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3637 | Nguyễn Văn Quang     | 1951 |      | 271860416 | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3638 | Nguyễn Văn Thanh     | 1945 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3639 | Nguyễn Văn Vũ        | 1955 |      | 270362706 | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3640 | Phạm Minh Trục       | 1940 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3641 | Phạm Thị Nga         | 1956 |      | 271919276 | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH            |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3642 | Trần Mạnh Hùng       | 1947 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH, Từ đây    |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3643 | Lê Hồng Thái         | 1949 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH, Từ đây    |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3644 | Trần Thị Thu Hà      |      | 1947 |           | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH, Từ đây    |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3645 | Trần Thanh Long      | 1945 |      | 270015482 | P. Trung Dũng | Thương binh, CDHH, Từ đây    |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3646 | Lưu Thọai Lang       | 1936 |      | 270096408 | P. Trung Dũng | Thương binh, Từ đây          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3647 | Nguyễn Đức Sự        | 1925 |      |           | P. Trung Dũng | Thương binh, Từ đây          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3648 | Nguyễn Thị Nhuận     |      | 1932 |           | P. Trung Dũng | Thương binh, Từ đây, Tuất LS |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3649 | Nguyễn Văn An        | 1925 |      | 272583948 | P. Trung Dũng | TKN                          |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3650 | Lê Văn Hồng          | 1940 |      |           | P. Trung Dũng | Tù đầy                       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3651 | Phạm Thị Xuyên       |      | 1937 |           | P. Trung Dũng | Tù đầy                       |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3652 | Hoàng Thị Tép        |      | 1939 | 270660649 | P. Trung Dũng | Tuất BB                      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3653 | Lâm Thị Năm          |      | 1925 |           | P. Trung Dũng | Tuất BB                      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3654 | Nguyễn Thị Nhã       |      | 1943 | 017088800 | P. Trung Dũng | Tuất BB                      |  |  | 1.500.000 |  |  |
| 3655 | Lã Thị Xuân          |      | 1963 | 271812225 | P. Trung Dũng | Tuất CDHH                    |  |  | 1.500.000 |  |  |



|      |                      |      |      |           |               |              |  |  |  |             |  |  |
|------|----------------------|------|------|-----------|---------------|--------------|--|--|--|-------------|--|--|
| 3656 | Nguyễn Thị Ngọc Dung |      | 1948 | 270005125 | P. Trung Dũng | Tuất CDHH    |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3657 | Phạm Thị Tuyết Nga   |      | 1943 |           | P. Trung Dũng | Tuất CDHH    |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3658 | Bùi Phi Tân          | 1930 |      |           | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3659 | Cao Thị Mùi          |      | 1932 | 270237461 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3660 | Đào Thị Vân          |      | 1962 |           | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3661 | Đỗ Thị Liên          |      | 1938 | 270010141 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3662 | Lê Thị Nhị           |      | 1938 | 182033364 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3663 | Lư Xuân Sen          | 1929 |      |           | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3664 | Nguyễn Ngọc Xuân     |      | 1922 | 270087321 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3665 | Nguyễn Phạm Canh     | 1924 |      | 270102001 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3666 | Nguyễn Thị Hồng Vinh |      | 1944 | 271593090 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3667 | Nguyễn Thị Lộc       |      | 1939 | 162652409 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3668 | Nguyễn Thị Tấn       |      | 1941 | 270096100 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3669 | Nguyễn Thị Ứng       |      | 1931 |           | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3670 | Trần Thị Mỹ          |      | 1941 | 271862875 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3671 | Trần Thị Thu         |      | 1938 |           | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
| 3672 | Trần Thị Thủy        |      | 1950 | 270084218 | P. Trung Dũng | Tuất liệt sỹ |  |  |  | 1.500.000   |  |  |
|      | Tổng: 128 người      |      |      |           |               |              |  |  |  | 192.000.000 |  |  |

Tổng cộng: Số người hỗ trợ: 3.672 người; số tiền: 5.499.700.000 đồng; bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm ngàn đồng chẵn./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Hòa Hiệp